

## **Chương 1**

# **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU VÀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

### **1.1. NHIỆM VỤ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU**

#### **1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu**

Nguyên liệu, vật liệu của doanh nghiệp là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu thuộc loại hàng tồn kho của doanh nghiệp và là những đối tượng lao động được thể hiện dưới dạng vật hoá như sắt, thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, sợi trong doanh nghiệp dệt, vải trong doanh nghiệp may mặc.... Nguyên vật liệu tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị nguyên vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đó là những đối tượng lao động khi tham gia vào quá trình sản xuất sẽ cấu thành nên thực thể của sản phẩm.

#### **1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, về mặt vốn: Nguyên vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động, đặc biệt là vốn dự trữ của doanh nghiệp. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, doanh nghiệp cần phải tăng tốc luân chuyển vốn lưu động và điều đó không thể tách rời việc dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, hợp lý nhất.

Thứ hai, về mặt giá trị: khác với tư liệu lao động, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nguyên vật liệu bị tiêu hao toàn bộ, không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và chuyển dịch toàn bộ giá trị một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

### **1.1.3. Vị trí, vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất**

Như chúng ta đã biết để chế tạo ra của cải vật chất của xã hội thì phải đủ 3 yếu tố cơ bản: đối tượng lao động, tư liệu lao động và sức lao động. Khi xã hội ngày càng phát triển thì tư liệu lao động cũng ngày càng hiện đại hơn, máy móc thiết bị được áp dụng vào trong quá trình sản xuất ngày càng nhiều và của cải xã hội cũng vì thế nhiều thêm. Tuy nhiên, để bắt đầu một giai đoạn sản xuất nào thì cũng phải cần đến nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu ở đây có thể hiểu là đối tượng lao động đã được thay đổi do lao động có ích của con người tác động vào. Còn xét về mặt giá trị, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị sản phẩm mà nó tạo ra, trong doanh nghiệp nguyên vật liệu là tài sản ngắn hạn thuộc nhóm hàng tồn kho.

Trong doanh nghiệp sản xuất, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá thành sản phẩm. Nguyên vật liệu có rất nhiều chủng loại, nguồn gốc khác nhau, dễ mất mát lãng phí trong quá trình thu mua, vận chuyển và sử dụng nên đòi hỏi công tác quản lý sử dụng có hiệu quả là vô cùng cần thiết. Việc tổ chức tốt quá trình bảo quản và sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu có vai trò lớn trong việc tối thiểu hoá chi phí, hạ giá thành sản phẩm tức góp phần tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp, một trong những mục tiêu mà mọi doanh nghiệp đều hướng tới.

Trong điều kiện kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay thì chất lượng sản phẩm là yếu tố cơ bản để một doanh nghiệp có thể đứng vững được trên thị trường. Mà chất lượng sản phẩm lại phụ thuộc rất lớn vào chất lượng nguồn nguyên vật liệu, việc cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất, đảm bảo cho sản xuất diễn ra thường xuyên liên tục không bị ngừng trệ, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường chính là điều kiện để doanh nghiệp khẳng định vị trí của mình.

#### **1.1.4. Sự cần thiết phải quản lý nguyên vật liệu**

Quản lý và sử dụng nguyên vật liệu có hiệu quả có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, để có được biện pháp tốt nhất thì phải hiểu được đặc điểm cũng như vai trò cần thiết của chúng. Như chúng ta đã biết, nguyên vật liệu là đối tượng lao động, giá trị nguyên vật liệu kết tinh trong giá trị sản phẩm sản xuất ra. Khi tham gia và quá trình sản xuất nguyên vật liệu không giữ nguyên hình thái giá trị vật chất ban đầu.

*Tính khách quan phải quản lý nguyên vật liệu:*

Quản lý nguyên vật liệu là yêu cầu khách quan của mọi nền kinh tế. Trải qua các giai đoạn phát triển của lịch sử, các mức độ quản lý và phương pháp quản lý cũng khác nhau và ngày một được hoàn thiện.

Vì vậy, quản lý nguyên vật liệu là đòi hỏi tất yếu mà doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm và có biện pháp cụ thể thiết thực. Quản lý nguyên vật liệu ở đây không những về mặt hiện vật mà về cả mặt giá trị trong các khâu từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản đến khâu sử dụng.

- *Khâu thu mua:* Để đáp ứng nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp thì nguồn nguyên vật liệu chủ yếu là do thu mua, vì vậy trong quá trình thu mua phải xác định được nguồn thu mua và phải quản lý cả về số lượng, chất lượng, quy cách, mẫu mã, giá cả, địa điểm sao cho phù hợp và thuận tiện nhất, có như vậy sẽ góp phần hạ thấp được hao phí nguyên vật liệu trong giá thành.

- *Khâu bảo quản:* Nguyên vật liệu mua về phải có hệ thống kho tàng bền bỉ, cách thức bảo quản khoa học, hợp lý nhằm giữ nguyên chất lượng, giảm thiểu thấp nhất những chi phí có thể xảy ra. Đối với mỗi loại nguyên vật liệu phải thực hiện đúng các chế độ bảo quản, xác định mức dự trữ tối thiểu và tối đa cho từng loại nhằm giảm bớt thấp nhất những hao hụt mất mát chất lượng nguyên vật liệu.

- *Khâu dự trữ:* Đây cũng là một khâu hết sức quan trọng bởi xác định được lượng dự trữ vừa đủ sẽ đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục thường

xuyên, đúng hợp đồng, đồng thời tránh được lãng phí gây ứ đọng vốn, hao hụt mất mát do dự trữ quá nhiều.

• *Khâu sử dụng*: Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, vì vậy sử dụng đúng định mức yêu cầu kỹ thuật, đúng loại và đúng quy trình sản xuất sẽ đảm bảo hạ giá thành sản xuất, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Ngoài việc quản lý nguyên vật liệu về mặt hiện vật, thường xuyên kiểm kê, tránh gây mất mát thì quản lý về mặt giá trị cũng rất quan trọng. Tránh để tình trạng ứ đọng nguyên vật liệu, làm cho chất lượng bị giảm (như ẩm mốc, hết hạn sử dụng...). Các nguyên nhân chủ yếu làm giảm chất lượng giá trị sử dụng của nguyên vật liệu, chủ yếu do các nguyên nhân khách quan như: mưa gió, lũ lụt....và do các nguyên nhân chủ quan: hết hạn sử dụng.... Vì vậy, để tránh tình trạng này các doanh nghiệp cần hết sức chú ý đến khâu bảo quản, phải thường xuyên cải tạo nâng cấp kho tàng bến bãi, phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, nâng cao ý thức trách nhiệm cho người lao động.

### **1.1.5. Vai trò và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu**

Trong công tác quản lý tổ chức sản xuất kinh doanh, kế toán là công cụ quan trọng để quản lý các hoạt động kinh tế và kiểm tra việc bảo vệ sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp. Vì vậy, trong công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu, kế toán có vai trò và nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Thông qua hạch toán kế toán nguyên vật liệu chính xác kịp thời sẽ cung cấp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình thu mua nhập, xuất, dự trữ nguyên vật liệu, chất lượng chủng loại, số lượng có đáp ứng được nhu cầu sản xuất hay không, từ đó có biện pháp tổ chức quản lý và sử dụng hợp lý.

Việc quản lý, sử dụng hiệu quả tiết kiệm nguyên vật liệu sẽ có ý nghĩa thiết thực trong công tác kiểm soát và quản lý có hiệu quả được chi phí, giá thành cũng như công tác kế toán, xác định kết quả kinh doanh.

Xuất phát từ vai trò trên, để đáp ứng được yêu cầu kế toán quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện tốt việc phân loại đánh giá nguyên vật liệu phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu trong quản trị doanh nghiệp.

- Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập xuất tồn kho. Xác định đúng giá trị vốn của nguyên vật liệu nhập xuất kho nhằm cung cấp thông tin chính xác kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý sản xuất.

- Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho. Kiểm tra tình hình và chấp hành các quy định về định mức tiêu hao nguyên vật liệu.

- Phân bổ hợp lý giá trị sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch thu mua nguyên vật liệu, kế hoạch sử dụng cho sản xuất. Tổ chức đánh giá nguyên vật liệu tồn kho theo đúng chế độ quy định. Phát hiện kịp thời nguyên vật liệu thiếu thừa và ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế mức tối đa thiệt hại có thể xảy ra.

- Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để việc ghi chép phân loại tổng hợp số liệu đầy đủ, kịp thời với mục đích cuối cùng là cung cấp thông tin lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.

## 1.2. PHÂN LOẠI VÀ TÍNH GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

### 1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu

Để đảm bảo cho quá trình quản lý và sử dụng có hiệu quả thì việc phân loại nguyên vật liệu là rất cần thiết bởi mỗi cách phân loại khác nhau sẽ có ý nghĩa khác nhau cho người quản lý và sử dụng.

Trong doanh nghiệp, để tiến hành sản xuất thì cần rất nhiều loại nguyên vật liệu. Việc phân loại nguyên vật liệu có cơ sở khoa học hợp lý là điều kiện để có thể quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết phục vụ cho công tác quản lý trong doanh nghiệp.

• Căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị doanh nghiệp, nguyên vật liệu được chia thành:

- *Nguyên liệu, vật liệu chính*: Là những loại nguyên vật liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy, khái niệm nguyên vật liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể, ở các doanh nghiệp khác nhau thì nguyên liệu, vật liệu chính cũng khác nhau.

Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra sản phẩm.

VD: sắt thép trong các doanh nghiệp sản xuất cơ khí chế tạo, mía trong các doanh nghiệp sản xuất đường, vải trong các doanh nghiệp may mặc....

Cũng có thể sản phẩm của doanh nghiệp này lại là nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp khác.

- *Vật liệu phụ*: là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể chính của sản phẩm, nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng sản phẩm, hoàn chỉnh sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói, phục vụ cho quá trình lao động

VD: thuốc nhuộm, bao bì, nhãn mác....

-*Nhiên liệu*: là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường.

Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể khí và thể rắn như: xăng, dầu, than, củi, khí ga...

- *Phụ tùng thay thế*: là những loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất....

- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản*: là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

Ngoài ra, tùy thuộc vào yêu cầu quản lý và hạch toán chi tiết trong từng doanh nghiệp mà trong từng loại nguyên vật liệu nói trên lại được chia thành từng nhóm, từng thứ...

*Ý nghĩa*: Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao, định mức dự trữ cho từng loại, từng nhóm, từng thứ, là cơ sở để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

• Căn cứ vào nguồn hình thành, nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: Do doanh nghiệp mua, nhận góp vốn liên doanh, nhận biếu tặng, được cấp...

- Nguyên vật liệu tự chế: Do doanh nghiệp tự sản xuất phục vụ cho nhu cầu sản xuất của mình.

*Ý nghĩa*: Cách phân loại này làm căn cứ để lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, cơ sở xác định trị giá vốn của nguyên vật liệu nhập kho.

• Căn cứ vào mục đích, công dụng, nguyên vật liệu chia thành:

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh bao gồm:

+ Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho chế tạo sản xuất sản phẩm

+ Nguyên vật liệu dùng cho quản lý ở các phân xưởng, dùng cho các bộ phận bán hàng, bộ phận quản lý phân xưởng

- Nguyên vật liệu dùng cho nhu cầu khác:
- + Nhượng bán
- + Đem góp vốn liên doanh
- + Đem quyên tặng

Ngoài việc phân loại như trên, trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán như hiện nay thì để phục vụ cho công tác quản lý vật tư một cách tỉ mỉ chặt chẽ thì còn phải lập danh điểm vật tư.

Lập danh điểm vật tư là quy định cho mỗi loại vật tư một ký hiệu mã hoá riêng. Tùy vào từng phần mềm kế toán áp dụng cũng như tình hình của từng doanh nghiệp mà việc lập các danh điểm vật tư cho phù hợp với đặc điểm yêu cầu quản lý, đảm bảo cho quá trình hạch toán kế toán chi tiết và tổng hợp nguyên vật liệu đạt hiệu quả cao nhất.

### **1.2.2. Tính giá nguyên vật liệu**

Đánh giá nguyên vật liệu là việc xác định trị giá của vật liệu ở những thời điểm nhất định và tuân theo những nguyên tắc quy định chung. Theo quy định hiện hành nguyên vật liệu là tài sản ngắn hạn thuộc nhóm hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến, và các loại chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Để đánh giá nguyên vật liệu thì có thể đánh giá theo giá vốn thực tế. Đánh giá theo giá vốn thực tế thì cả kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết đều sử dụng giá thực tế để ghi chép trên sổ kế toán. Tuy nhiên, trong trường hợp vật liệu có nhiều chủng loại, giá cả thường xuyên biến động, để giảm bớt việc ghi chép tính toán hàng ngày doanh nghiệp có thể sử dụng giá hạch toán để theo dõi chi tiết tình hình biến động nguyên vật liệu, tuy nhiên đến cuối tháng phải điều chỉnh giá hạch toán theo giá thực tế ghi sổ tổng hợp.



**1.2.2.1. Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho**

Tùy vào nguồn nhập khác nhau của các loại nguyên vật liệu, trị giá vốn thực tế sẽ được xác định như sau:

- Đối với vật liệu do doanh nghiệp mua ngoài (mua trong nước hoặc nước ngoài):

$$\begin{array}{rcccl} \text{Trị giá vốn} & & & & \\ \text{thực tế của} & = & \text{Giá} & + & \text{Chi phí} & + & \text{Các loại thuế} & & \text{Các} \\ \text{NVL nhập kho} & & \text{mua} & & \text{mua} & & \text{không được} & - & \text{khoản} \\ & & \text{thực tế} & & \text{thực tế} & & \text{hoàn lại} & & \text{giảm trừ} \\ & & & & & & \text{(TTĐB, NK...)} & & \end{array}$$

Trong đó:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Giá mua thực tế của vật liệu là giá chưa có thuế GTGT.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT thì giá mua thực tế là giá đã có thuế GTGT.

- Đối với vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá vốn thực tế của} & = & \text{Giá thực tế của vật liệu xuất} & & \text{Chi phí gia} \\ \text{vật liệu nhập kho} & & \text{kho để gia công chế biến} & + & \text{công chế biến} \end{array}$$

- Đối với vật liệu do doanh nghiệp thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá vốn thực tế} & = & \text{Giá vốn thực} & + & \text{Chi phí vận} \\ \text{của vật liệu nhập} & & \text{tế của vật liệu} & & \text{chuyển bốc} \\ \text{kho} & & \text{xuất kho thuê} & + & \text{dỡ khi giao} \\ & & \text{gia công} & & \text{nhận (nếu có)} \end{array}$$

- Đối với vật liệu do được cấp:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá vốn thực tế của} & = & \text{Giá vốn ghi trong biên} & & \text{Chi phí phát sinh} \\ \text{vật liệu nhập kho} & & \text{bản giao nhận} & + & \text{trong giao nhận} \end{array}$$

- Đối với vật liệu được biếu tặng, tài trợ:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Giá vốn thực tế của} & = & \text{Giá trị hợp lý} & + & \text{Các chi phí khác} \\ \text{vật liệu nhập kho} & & & & \text{phát sinh} \end{array}$$

### **1.2.2.2. Giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho**

Do thời điểm nhập vật liệu và xuất vật liệu là khác nhau về số lượng và giá cả, vì vậy việc tính trị giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho được thực hiện theo một trong bốn phương pháp quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”:

*\* Phương pháp đích danh:*

- Theo phương pháp này thì khi xuất kho nguyên vật liệu căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó để tính ra trị giá vốn của nguyên vật liệu xuất kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng, các loại hàng có tính tách biệt cao.

*\* Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ:*

- Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hoá khi nhập, xuất kho. Công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{vật liệu xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng thực tế} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá thực} \\ \text{tế bình quân} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được xác định cho từng thứ vật tư

- Đơn giá bình quân có thể được xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

- Đơn giá bình quân có thể được xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều

nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

*\* Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):*

- Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và đơn giá của hàng nhập trước sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

- Với phương pháp này, việc tính toán đơn giản, dễ làm và tương đối hợp lý. Song khối lượng tính toán nhiều, phụ thuộc vào xu thế giá cả trên thị trường, phù hợp với doanh nghiệp ít danh điểm nguyên vật liệu.

*\* Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):*

- Theo phương pháp này thì cũng phải biết đơn giá thực tế của từng lần nhập và giả thiết hàng nào nhập sau sẽ được xuất trước, đơn giá của hàng nhập sau sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ sẽ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu tiên.

- Với phương pháp này, công việc tính toán được tiến hành thường xuyên và đơn giản hơn so với phương pháp FIFO. Chi phí sản xuất luôn gắn chặt với giá cả thị trường nên lợi nhuận thu được mang tính an toàn hơn khi giá cả có xu hướng tăng lên. Song chất lượng tính giá lại phụ thuộc vào sự ổn định giá cả nguyên vật liệu. Nếu giá cả biến động mạnh sẽ mất chính xác và gây bất hợp lý, phương pháp này áp dụng thích hợp trong trường hợp lạm phát

Doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán.

### **1.2.2.3. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán**

Hiện nay thực tế nhiều doanh nghiệp không áp dụng xác định trị giá vật liệu xuất kho theo cách trên mà áp dụng giá hạch toán để tính toán nhằm giảm bớt khối lượng công việc hàng ngày.

Giá hạch toán nguyên vật liệu là giá do doanh nghiệp tự quy định và được sử dụng thống nhất ở doanh nghiệp trong thời gian dài. Hàng ngày kế toán sẽ sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá trị nguyên vật liệu nhập xuất tồn, cuối kỳ kế toán phải tính hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu để tính giá thực tế của nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ để ghi sổ tổng hợp theo công thức:

$$\begin{aligned} \text{Hệ số chênh lệch giữa} & & \text{Giá thực tế của NVL} & & \text{Giá thực tế của NVL} \\ \text{giá thực tế và giá hạch} & & \text{tồn kho đầu kỳ} & + & \text{nhập kho trong kỳ} \\ \text{toán của NVL} & = & \text{Giá hạch toán của} & & \text{Giá hạch toán của NVL} \\ & & \text{NVL tồn kho đầu kỳ} & + & \text{nhập kho trong kỳ} \\ \\ \text{Giá thực tế của NVL} & & \text{Giá hạch toán của} & & \text{Hệ số chênh lệch giữa giá} \\ \text{xuất dùng trong kỳ} & = & \text{NVL xuất dùng} & \times & \text{thực tế và giá hạch toán} \\ & & \text{trong kỳ} & & \text{của NVL} \end{aligned}$$

Trên đây là các cách tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo giá vốn thực tế và theo giá hạch toán. Tùy theo tình hình thực tế của từng doanh nghiệp khác nhau về tính chất ngành nghề sản xuất, yêu cầu quản lý và sử dụng vật liệu, trình độ của cán bộ công nhân viên mà các cách đánh giá trên sẽ được áp dụng cho phù hợp.

### 1.3. HẠCH TOÁN CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

#### 1.3.1. Yêu cầu hạch toán chi tiết nguyên vật liệu

Trong doanh nghiệp, chủng loại nguyên vật liệu là rất nhiều và thường xuyên biến động cả về số lượng và giá trị. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu chính là việc kết hợp giữa thủ kho và kế toán nguyên vật liệu trên cùng cơ sở là các chứng từ nhập xuất kho mục đích nhằm theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, thứ vật liệu, từng kho nguyên vật liệu và nguồn cung cấp. Đồng thời để giúp cho việc hạch toán có hiệu quả, chính xác thì các doanh nghiệp phải tổ chức mở các sổ chi tiết, các thẻ chi tiết, các tài khoản cấp 2 và 3 và vận dụng

phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu sao cho phù hợp để nhằm cho công tác quản lý sử dụng nguyên vật liệu đạt hiệu quả cao nhất.

Nhằm đảm bảo cung cấp thông tin nhanh nhạy về tình hình nhập xuất nguyên vật liệu trên cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị theo từng thứ nguyên vật liệu, nơi bảo quản, nguồn cung cấp thì kế toán chi tiết đòi hỏi phải đảm bảo các yêu cầu:

- Hạch toán chi tiết ở từng kho và từng bộ phận sử dụng của doanh nghiệp.
- Hằng ngày phải theo dõi nguyên vật liệu trên cả 2 chỉ tiêu số lượng và thành tiền.
- Phải đảm bảo khớp nội dung số lượng tương ứng giữa thẻ kế toán chi tiết ở dưới kho với các số liệu chi tiết trên phòng kế toán, với số liệu các bảng tổng hợp, các báo cáo tổng hợp.

Trách nhiệm sử dụng nguyên vật liệu liên quan đến nhiều bộ phận, song trách nhiệm trực tiếp là thủ kho và kế toán nguyên vật liệu.

### **1.3.2. Các chứng từ, sổ sách kế toán sử dụng**

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- 1- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- 2- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- 3- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 03-VT)
- 4- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- 5- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- 6- Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT)
- 7- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)
- 8- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTGT-3LL)
- 9- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL)
- 10- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03P XK-3LL)

Tùy vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức chứng từ sao cho thuận tiện khoa học. Mọi chứng từ phải được lập đầy đủ, kịp thời theo quyết định ban hành về mẫu biểu nội dung, phải tổ chức luân chuyển theo trình tự, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sau đây là một vài mẫu chứng từ, sổ sách kế toán nguyên vật liệu

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S11-DN)
- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu S12-DN)

### **1.3.3. Các phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu**

Việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được sử dụng một trong ba phương pháp sau:

☉ *Phương pháp ghi thẻ song song:*

• Nội dung:

- Ở kho: Thủ kho sử dụng “thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép các số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho trên thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi các chứng từ nhập xuất cho kế toán đã được phân loại theo từng thứ vật liệu.

- Ở phòng kế toán: Kế toán sử dụng các sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được chứng từ nhập xuất vật liệu do thủ kho gửi lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị hoàn chỉnh chứng từ và phản ánh vào các sổ chi tiết vật liệu, mỗi chứng từ được ghi một dòng

☞ Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu và tiến hành so sánh số liệu giữa:

- Sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho của thủ kho

- Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn với số kế toán tổng hợp

- Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

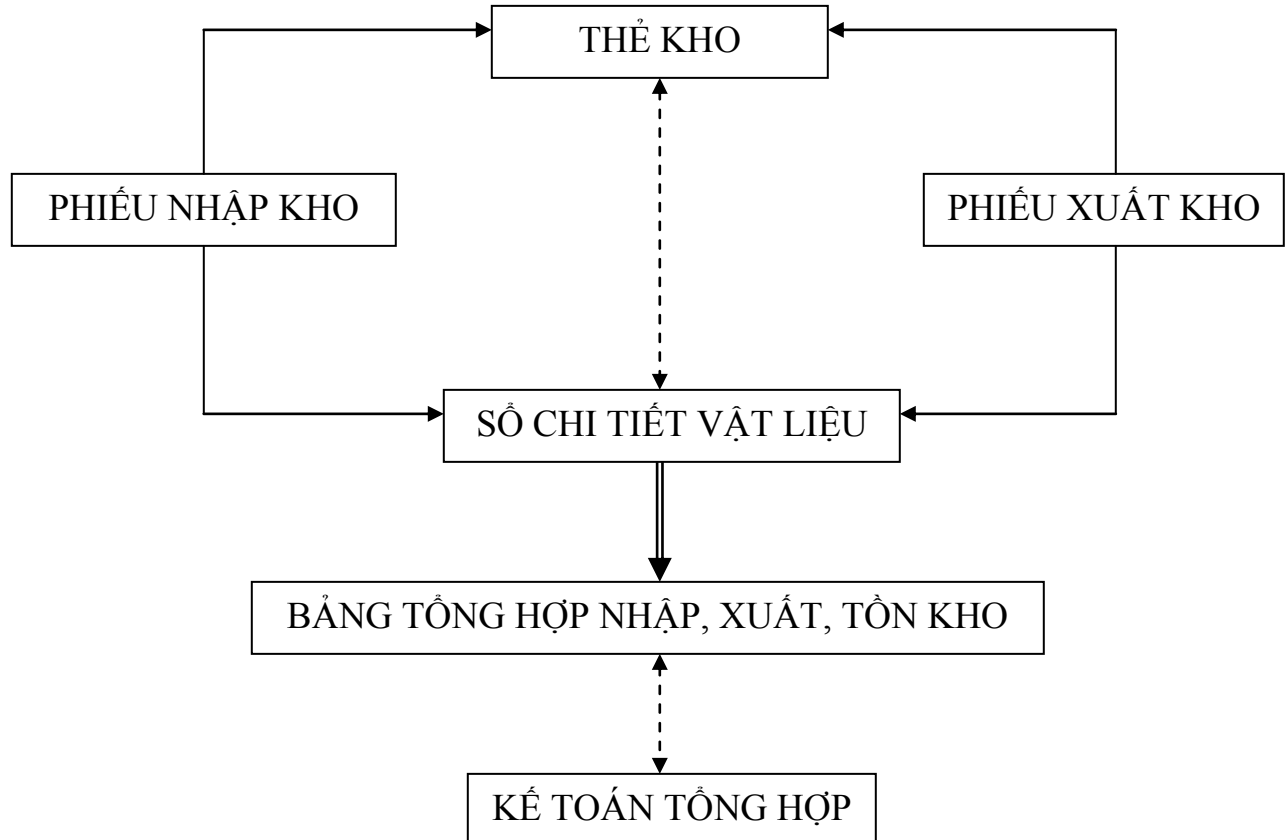
- *Ưu điểm:* Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu

- *Nhược điểm:* Trùng lặp giữa kế toán và kho về mặt số lượng

- *Điều kiện áp dụng:* Thích hợp với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên. Tuy nhiên nếu trong điều kiện doanh nghiệp đã áp dụng kế toán máy thì phương pháp này vẫn áp dụng vào những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu.

☞ Phương pháp này có khuynh hướng ngày càng được áp dụng rộng rãi bởi tính thuận tiện của nó cũng như việc áp dụng kế toán máy ngày càng được phổ biến trong các doanh nghiệp.

**Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:**



*Ghi chú:*

————→ Ghi hàng ngày

====→ Ghi cuối tháng

←-----→ Quan hệ đối chiếu

☼ *Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển:*

• Nội dung:

- *Ở kho:* Thủ kho vẫn sử dụng “thẻ kho” để ghi chép tình hình nhập xuất tồn của từng loại nguyên vật liệu về mặt số lượng.

- *Ở phòng kế toán:* Để theo dõi tình hình nhập xuất từng loại vật liệu cả về mặt lượng và mặt giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở cho cả năm và được ghi chép 1 lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp những chứng từ nhập, xuất trong tháng, mỗi danh điểm vật liệu được ghi vào một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, tiến hành phân loại theo từng loại vật liệu riêng hoặc có thể lập “bảng kê nhập” và “bảng kê xuất”.

☞ Cuối tháng, tập hợp số liệu từ các chứng từ hoặc bảng kê ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

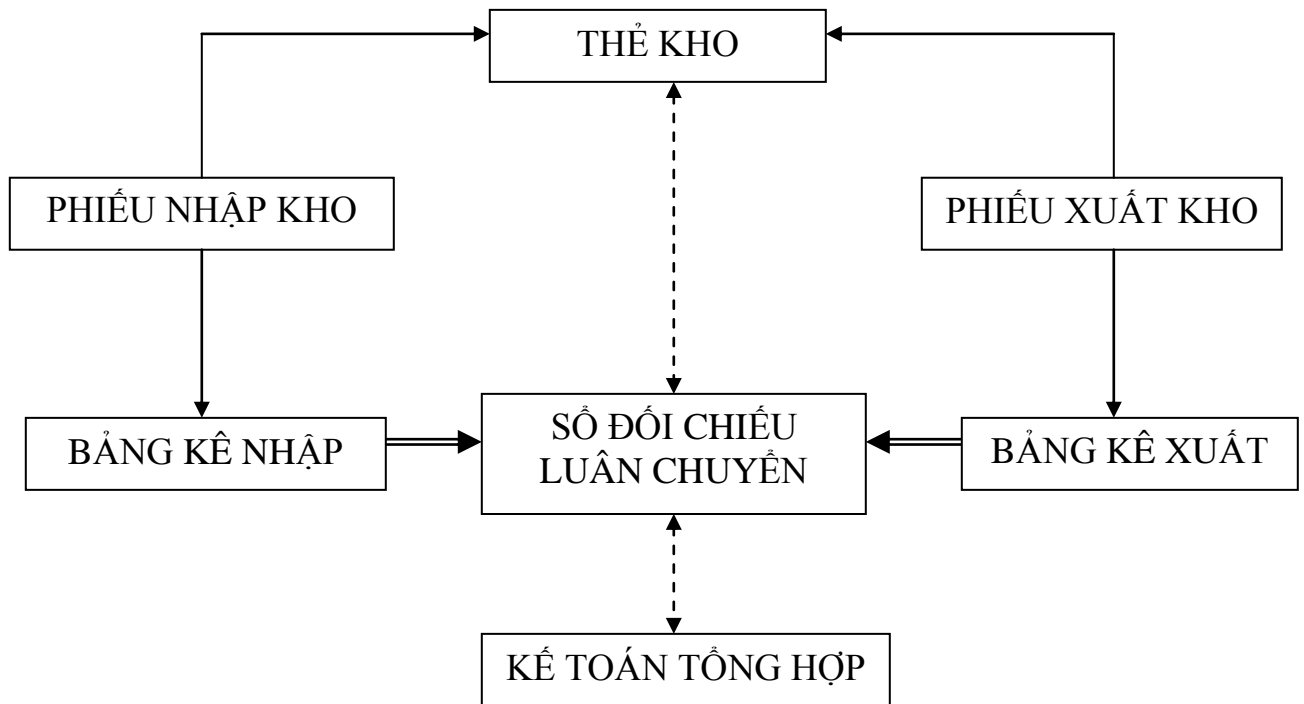
- *Ưu điểm:* Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng.

- *Nhược điểm:* Phương pháp này vẫn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

- *Điều kiện áp dụng:* Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hàng ngày. Phương pháp này ít được sử dụng trong thực tế.



Sơ đồ hạch toán chi tiết vật liệu phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- <-----> Quan hệ đối chiếu

☼ Phương pháp ghi sổ số dư:

• Nội dung:

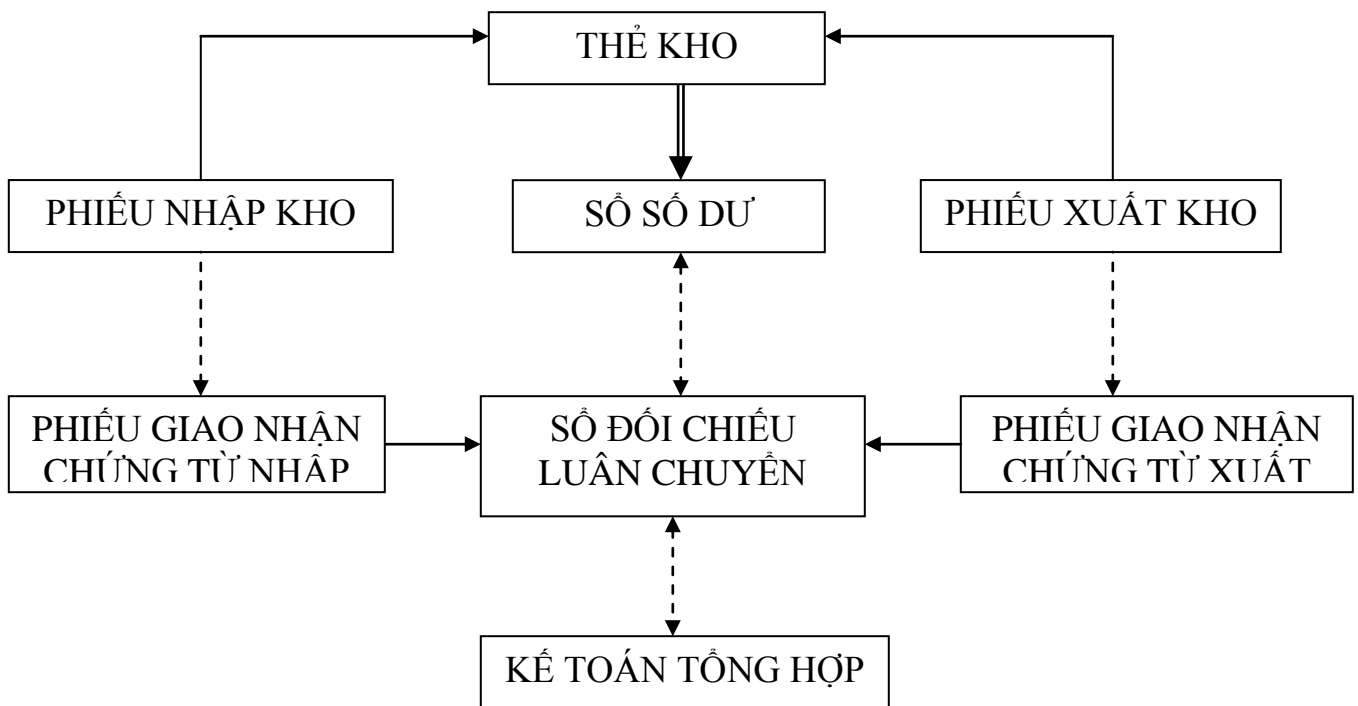
- Ở kho: Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho theo chỉ tiêu số lượng của từng loại vật liệu. Định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm quy định. Sau đó, lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán viên kèm theo các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Ngoài ra, thủ kho còn phải ghi số lượng vật liệu, dụng cụ, sản phẩm tồn kho cuối tháng theo từng danh điểm vào sổ số dư.

- Ở phòng kế toán: Kế toán định kỳ xuống kho hướng dẫn và kiểm tra lại việc ghi chép trên thẻ kho của thủ kho và thu nhận chứng từ nhập xuất kho. Khi nhận

được chứng từ, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ và tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật liệu, dụng cụ, sản phẩm (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập, xuất, tồn kho.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Số dư này được dùng để đối chiếu với cột “số tiền” trên sổ số dư (số liệu trên sổ số dư do sổ kế toán vật tư tính bằng cách lấy số lượng tồn kho × giá hạch toán).

**Sơ đồ hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư:**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- - - - -> Ghi định kỳ
- ====> Ghi cuối tháng
- ← - - - - -> Quan hệ đối chiếu

- *Ưu điểm:*

• Phương pháp này sẽ giúp giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và theo nhóm vật liệu.

• Đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho.

• Khối lượng công việc được giàn đều trong tháng.

- *Nhược điểm:*

• Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ vật liệu nên để thông tin về tình hình nhập xuất tồn của từng loại vật liệu thì phải căn cứ vào thẻ kho.

• Việc kiểm tra phát hiện sai sót giữa phòng kế toán và kho là phức tạp.

- *Điều kiện áp dụng:*

• Đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật liệu, việc nhập xuất diễn ra thường xuyên.

• Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật liệu hợp lý. Các cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn vững vàng.

#### 1.4. KẾ TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ sách kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành nguyên vật liệu thuộc nhóm hàng tồn kho nên kế toán áp dụng tổng hợp nguyên vật liệu có thể tiến hành theo một trong hai phương pháp sau:

- Phương pháp kế toán kê khai thường xuyên

- Phương pháp kiểm kê định kỳ

Việc sử dụng phương pháp nào là tùy thuộc vào doanh nghiệp và yêu cầu của công việc quản lý, trình độ của cán bộ kế toán cũng như các quy định của chế độ kế toán hiện hành.

### **1.4.1. Yêu cầu hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu**

1. Kế toán nhập, xuất kho nguyên liệu, vật liệu trên tài khoản 152 phải thực hiện theo nguyên tắc giá gốc quy định trong chuẩn mực số 02 “Hàng tồn kho”. Nội dung giá gốc của nguyên liệu, vật liệu được xác định tùy theo từng nguồn nhập.

1.1. Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu mua ngoài bao gồm: Giá mua ghi trên hoá đơn, thuế nhập khẩu phải nộp, thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu phải nộp (nếu có), chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm,... nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về đến nhập kho của doanh nghiệp, công tác phí của cán bộ thu mua, chi phí của bộ phận thu mua độc lập, các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc thu mua nguyên vật liệu, và số hao hụt định mức (nếu có).

Trường hợp doanh nghiệp mua nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thì giá trị nguyên vật liệu mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có thuế GTGT. Thuế GTGT đầu vào khi mua nguyên liệu, vật liệu và thuế GTGT của dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, chi phí gia công... được khấu trừ và hạch toán vào tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” (1331).

Trường hợp doanh nghiệp mua nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc dùng cho hoạt động sự nghiệp, phúc lợi, dự án thì giá trị của nguyên liệu, vật liệu mua vào được phản ánh theo tổng giá thanh toán bao gồm cả thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ (nếu có).

Đối với nguyên liệu, vật liệu mua bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi tăng giá trị nguyên liệu, vật liệu nhập kho.

1.2. Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu tự chế biến, bao gồm: Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất chế biến và chi phí chế biến.

1.3. Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công chế biến, bao gồm: Giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất thuê ngoài gia công chế biến, chi phí vận chuyển vật liệu đến nơi chế biến và từ nơi chế biến về đơn vị, tiền thuê ngoài gia công chế biến.

1.4. Giá gốc của nguyên liệu, vật liệu nhận góp vốn liên doanh, cổ phần: Là giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp nhận.

2. Việc tính giá của nguyên liệu, vật liệu tồn kho, được thực hiện theo một trong bốn phương pháp quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 “Hàng tồn kho”.

- Phương pháp giá đích danh;
- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ;
- Phương pháp nhập trước, xuất trước;
- Phương pháp nhập sau, xuất trước.

Doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán.

3. Kế toán chi tiết nguyên liệu, vật liệu phải thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm, từng thứ nguyên liệu, vật liệu.

4. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán trong kế toán chi tiết nhập, xuất nguyên vật liệu thì cuối kỳ kế toán phải tính hệ số chênh lệch giữa giá trị thực tế và giá hạch toán của nguyên liệu, vật liệu để tính giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất dùng trong kỳ theo công thức:

$$\begin{aligned}
 & \text{Hệ số chênh lệch giữa} && \text{Giá thực tế của NVL} && + && \text{Giá thực tế của NVL} \\
 & \text{giá thực tế và giá hạch} && \text{tồn kho đầu kỳ} && && \text{nhập kho trong kỳ} \\
 & \text{toán của NVL} & = & \frac{\text{Giá hạch toán của} && + && \text{Giá hạch toán của NVL} \\
 & & & \text{NVL tồn kho đầu kỳ} && && \text{nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán của}} \\
 & \text{Giá thực tế của NVL} & = & \text{NVL xuất dùng trong} && \times && \text{Hệ số chênh lệch giữa giá} \\
 & \text{xuất dùng trong kỳ} & & \text{kỳ} && && \text{thực tế và giá hạch toán} \\
 & & & && && \text{của NVL}
 \end{aligned}$$

### **1.4.2. Tài khoản sử dụng**

Để tiến hành kế toán tổng hợp nguyên vật liệu kế toán sử dụng:

• *Tài khoản 152 - Nguyên liệu, vật liệu:* Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của các loại nguyên vật liệu trong kho của doanh nghiệp. Kết cấu của tài khoản:

#### **Bên Nợ:**

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

#### **Bên Có:**

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

#### **Số dư bên Nợ:**

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ

Ngoài ra, tài khoản này có thể mở theo dõi chi tiết các tài khoản cấp 2 theo từng loại nguyên vật liệu phù hợp với cách phân loại theo nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp gồm:

TK 1521: Nguyên liệu, vật liệu chính

TK 1522: Vật liệu phụ

TK 1523: Nhiên liệu

TK 1524: Phụ tùng thay thế

TK 1525: Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản.

Trong từng tài khoản cấp 2 có thể mở chi tiết tài khoản cấp 3, cấp 4 tới từng nhóm, từng thứ nguyên liệu, vật liệu tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

• *TK 151 -Hàng mua đang đi đường*: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá của các loại hàng hoá vật tư (nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá) mua ngoài đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp còn đang trên đường vận chuyển, ở bên cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng còn đang chờ kiểm nhận nhập kho.

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 151:

**Bên Nợ:**

- Trị giá hàng vật tư đã mua đang đi đường
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

**Bên Có:**

- Trị giá hàng hoá, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng;
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

**Số dư bên Nợ:**

- Trị giá hàng hoá vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho đơn vị)

### **1.4.3. Các phương pháp hạch toán**

#### **1.4.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên**

★ *Nội dung và các tài khoản sử dụng:*

♦ Nội dung:

- Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta vì những tiện ích của nó như: độ chính xác cao, cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật.

- Theo phương pháp này, kế toán có thể theo dõi số lượng nhập xuất tồn kho của từng loại nguyên vật liệu và trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho trên tài khoản sổ kế toán được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kế toán.

♦ Các tài khoản kế toán sử dụng:

TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

TK 151 - Hàng mua đang đi đường

TK 331 - Phải trả người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí nguyên liệu, vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ của các ngành công nghiệp, xây lắp, nông lâm ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, kinh doanh khách sạn, du lịch, dịch vụ khác.

TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, bộ phận, đội, công trường ... phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ.

TK 641 - Chi phí bán hàng



TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn

TK 241 - Chi phí xây dựng dở dang

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản như TK 111, TK 112, TK 141, TK 138...

★ *Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:*

1. Khi mua nguyên liệu, vật liệu về nhập kho của đơn vị, căn cứ hóa đơn, phiếu nhập kho và các chứng từ có liên quan phản ánh giá trị nguyên liệu, vật liệu nhập kho ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111,112,141,331,... (Tổng giá thanh toán).

2. Trường hợp mua nguyên liệu, vật liệu được hưởng chiết khấu thương mại thì phải ghi giảm giá gốc nguyên liệu, vật liệu đã mua đối với khoản chiết khấu thương mại thực tế được hưởng, ghi:

Nợ các TK 111,112,331...

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

3. Trường hợp nguyên liệu, vật liệu mua về nhập kho nhưng đơn vị phát hiện không đúng quy cách, phẩm chất theo hợp đồng ký kết phải trả lại người bán hoặc được giảm giá, kế toán phản ánh giá trị hàng mua xuất kho trả lại hoặc được giảm giá, ghi:

Nợ các TK 111,112,331...

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá mua chưa có thuế GTGT)

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có).

4. Trường hợp doanh nghiệp đã nhận được hoá đơn mua hàng nhưng nguyên liệu, vật liệu chưa về nhập kho đơn vị thì kế toán lưu hoá đơn vào tập hồ sơ riêng “Hàng mua đang đi đường”.

4.1. Nếu trong tháng hàng về thì căn cứ vào hoá đơn, phiếu nhập kho để ghi vào Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”.

4.2. Nếu đến cuối tháng nguyên liệu, vật liệu vẫn chưa về thì căn cứ vào hoá đơn (trường hợp nguyên liệu, vật liệu dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ), kế toán ghi:

Nợ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả người bán; hoặc

Có các TK 111,112,141,...

Sang tháng sau, khi nguyên liệu, vật liệu về nhập kho, căn cứ vào hoá đơn và phiếu nhập kho, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 151 - Hàng mua đang đi đường

5. Khi trả tiền người bán, nếu được hưởng chiết khấu thanh toán, thì khoản chiết khấu thanh toán thực tế được hưởng được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Chiết khấu thanh toán).

6. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh vào giá gốc nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu theo giá có thuế nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá có thuế nhập khẩu)

Có TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu)

Đồng thời phản ánh thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312 - Thuế GTGT hàng nhập khẩu)

- Nếu nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thì số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp được phản ánh vào giá gốc nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Giá có thuế TTĐB của hàng nhập khẩu)

Có TK 331 - Phải trả người bán

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt

7. Các chi phí thu mua, bốc xếp, vận chuyển nguyên liệu, vật liệu từ nơi mua về kho doanh nghiệp, trường hợp nguyên liệu, vật liệu mua về dùng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111,112,141,331,...

8. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do thuê ngoài gia công, chế biến:

- Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Khi phát sinh chi phí thuê ngoài gia công, chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có các TK 111,112,141,331,...

- Khi nhập lại kho số nguyên liệu, vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến xong, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

9. Đối với nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế:

- Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế biến, ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Khi nhập kho nguyên liệu, vật liệu nhập kho do tự chế biến, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

10. Đối với nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê đã xác định được nguyên nhân thì căn cứ nguyên nhân thừa để ghi sổ, nếu chưa xác định được nguyên nhân thì căn cứ vào giá trị nguyên liệu, vật liệu thừa ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 338 - Phải trả phải nộp khác (3381 - Tài sản thừa chờ giải quyết)

- Khi có quyết định xử lý nguyên liệu, vật liệu thừa khi phát hiện trong kiểm kê, căn cứ quyết định xử lý, ghi:

Nợ TK 338 - Phải trả phải nộp khác (3381)

Có tài khoản khác có liên quan

- Nếu xác định ngay khi kiểm kê số nguyên liệu, vật liệu thừa là của các đơn vị khác khi nhập kho chưa ghi tăng TK 152 thì không ghi vào bên Có Tài khoản 338 (3381) mà ghi vào bên Nợ Tài khoản 002 “Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công”. Khi trả lại nguyên liệu, vật liệu cho đơn vị kế toán khác ghi vào bên Có Tài khoản 022 (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

11. Khi xuất kho nguyên liệu, vật liệu sử dụng vào sản xuất, kinh doanh, ghi:

Nợ TK 621 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Nợ TK 326,627,641,642....

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

12. Xuất nguyên liệu, vật liệu sử dụng cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sửa chữa lớn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

13. Đối với nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

- Khi nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn liên doanh, ghi:

Nợ TK 222 - Vốn góp liên doanh (Theo giá đánh giá lại)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Theo giá trị ghi sổ)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của nguyên liệu, vật liệu tương ứng với phần lợi ích của các bên khác trong liên doanh)

Có TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ của nguyên liệu, vật liệu tương ứng với phần lợi ích của mình trong liên doanh).

- Khi cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát đã bán thành phẩm sản xuất bằng nguyên liệu, vật liệu nhận góp vốn, hoặc bán số nguyên liệu, vật liệu đó cho bên thứ ba độc lập, bên góp vốn liên doanh kết chuyển phần doanh thu chưa thực hiện vào thu nhập khác trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3387 - Doanh thu chưa thực hiện

Có TK 711 - Thu nhập khác

14. Khi xuất nguyên liệu, vật liệu đưa đi góp vốn vào công ty liên kết, ghi:

Nợ TK 223 - Đầu tư vào công ty liên kết (Theo giá đánh giá lại)

Nợ TK 811 - Chi phí khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại nhỏ hơn giá trị ghi sổ)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu (Theo giá trị ghi sổ)

Có TK 711 - Thu nhập khác (Chênh lệch giữa giá đánh giá lại lớn hơn giá trị ghi sổ)

15. Đối với nguyên liệu, vật liệu thiếu hụt phát hiện khi kiểm kê:

Mọi trường hợp thiếu hụt nguyên liệu, vật liệu trong kho hoặc tại nơi quản lý, bảo quản phát hiện khi kiểm kê phải lập biên bản và truy tìm nguyên nhân, xác định người nhận lỗi. Căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để ghi sổ kế toán:

- Nếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi sổ phải tiến hành ghi bổ sung hoặc điều chỉnh lại số liệu trên sổ kế toán;

- Nếu giá trị nguyên liệu, vật liệu hao hụt nằm trong phạm vi hao hụt cho phép (Hao hụt vật liệu trong định mức), ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Nếu số hao hụt, mất mát chưa xác định rõ nguyên nhân phải chờ xử lý căn cứ vào giá trị hao hụt, ghi:

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1381 - Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

- Khi có quyết định xử lý, căn cứ vào quyết định, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt (Người phạm lỗi nộp tiền bồi thường)

Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (Phải thu tiền bồi thường của người phạm lỗi)

Nợ TK 334 - Phải trả người lao động (Nếu trừ vào tiền lương của người phạm lỗi)

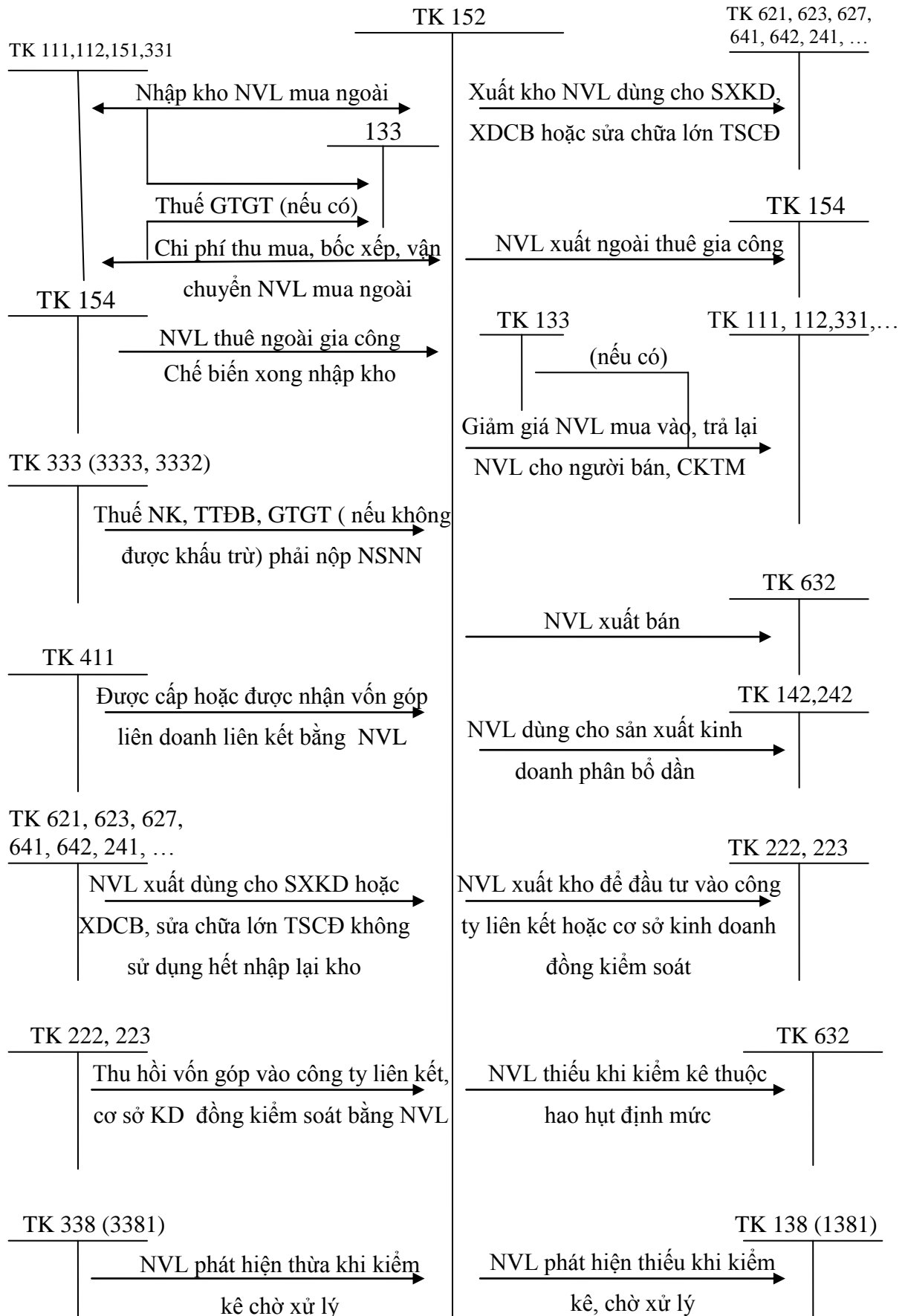
Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Phần giá trị hao hụt, mất mát nguyên liệu, vật liệu còn lại phải tính vào giá vốn hàng bán)

Có TK 138 - Phải thu khác (1381- Tài sản thiếu chờ xử lý).

★ *Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:*

Đối với các nghiệp vụ kế toán hạch toán tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng giống như phương pháp khấu trừ, nhưng chỉ khác ở chỗ giá mua vào của nguyên liệu, vật liệu nhập kho bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá phải trả cho nhà cung cấp).

HẠCH TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU THEO PHƯƠNG PHÁP  
KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN





**1.4.3.2. Kế toán nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

★ *Nội dung và tài khoản sử dụng:*

♦ *Nội dung:*

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ.

- Trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên “Tài khoản mua hàng”.

- Việc xác định trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{cccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực} & & \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL xuất} & = & \text{của NVL tồn} & + & \text{tế của NVL} & - & \text{của NVL tồn} \\ \text{kho trong kỳ} & & \text{kho đầu kỳ} & & \text{nhập trong kỳ} & & \text{kho cuối kỳ} \end{array}$$

- Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hoá xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quày, bến bãi.

♦ *Tài khoản kế toán sử dụng:*

Kế toán tổng hợp tình hình nhập, xuất nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng:

TK 152- Nguyên liệu, vật liệu. Tài khoản này không phản ánh tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu trong kỳ mà chỉ dùng để kết chuyển trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ và đầu kỳ (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)

TK 151 - Hàng mua đang đi đường (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)

TK 611 - Mua hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Kết cấu của tài khoản:

**Bên Nợ:**

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê)

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trong kỳ.

**Bên Có:**

- Kết chuyển giá gốc nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu xuất sử dụng trong kỳ.

- Giá gốc nguyên liệu, vật liệu mua vào trả lại người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, cũng giống như phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ cũng sử dụng thêm một số tài khoản như: TK 111, TK 112, TK 128, TK 621, TK 641, TK642....

★ *Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ:*

1. Đầu kỳ, kết chuyển trị giá nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng

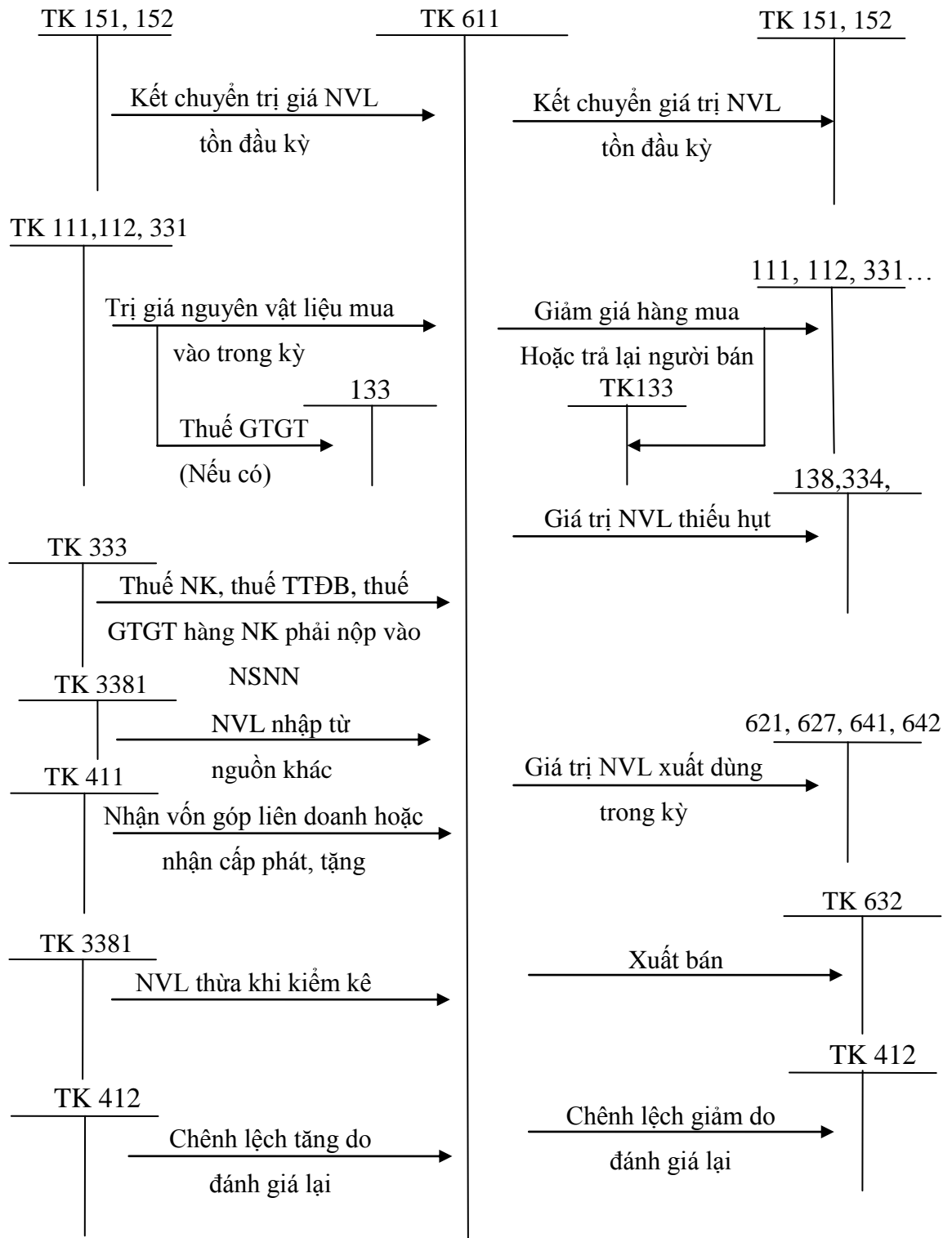
Có TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

2. Cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê xác định giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.

Có TK 611 - Mua hàng.

HẠCH TOÁN TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU THEO PHƯƠNG PHÁP  
KIỂM KÊ ĐỊNH KỲ



## Chương 2

### TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BIA TÂY ÂU

#### 2.1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN BIA TÂY ÂU

##### 2.1.1. Vài nét về quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần bia Tây Âu

*Tên doanh nghiệp* : Công ty cổ phần bia Tây Âu

*Tên giao dịch tiếng anh* : WEST EURO BEER JOINT STOCK COMPANY

*Tên viết tắt* : WEST EURO BEER JSC

*Địa chỉ trụ sở chính* : Số 189 Hàng Kênh, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân,  
Thành phố Hải Phòng

*Điện thoại* : (0313) 853 123

*Fax* : (0313) 849 605

*Vốn điều lệ* : 6.000.000.000 VND

Nhằm góp phần vào việc nâng cao sản lượng bia cũng như chất lượng bia cung cấp cho thành phố, tháng 8 năm 2003, công ty bia Tây Âu được thành lập và có tên gọi là công ty cổ phần bia Tây Âu.

Bia Tây Âu được sản xuất trên dây chuyền thiết bị đời mới nhất theo tiêu chuẩn Châu Âu về thiết kế chế tạo, nhập khẩu và lắp đặt. Hầu hết các công đoạn được tự động hoá do các kỹ sư chuyên ngành điều khiển và kiểm soát qua hệ thống vi tính trung tâm. Mặc dù là một đơn vị còn non trẻ trên thị trường, công ty gặp cũng không ít khó khăn nhưng công ty đã không ngừng cố gắng trong suốt 5 năm qua, công ty mở rộng đầu tư chiều sâu cả về số lượng lẫn chất lượng, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường.

Theo giấy phép ĐKKD số 020300695, công ty cổ phần bia Tây Âu được tiến hành các hoạt động sau:

- Sản xuất kinh doanh bia, rượu nước giải khát, đá bảo quản

- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu hàng nông sản thực phẩm
- Sản xuất, chế biến nông sản, thực phẩm
- Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống.

Hiện nay ngành nghề kinh doanh của công ty là sản xuất kinh doanh bia hơi và bia chai.

Để sản phẩm bia Tây Âu tiêu thụ tốt trên thị trường với số lượng tốt với chất lượng luôn ổn định, công ty đã tiến hành nâng cấp hệ thống kho tàng, các thiết bị bảo quản chuyên dụng tại các cửa hàng sao cho bia luôn có độ lạnh phù hợp tiêu chuẩn, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Căn cứ vào thị trường tiêu thụ, phòng TT & BH tổng hợp thông tin, loại trừ yếu tố ảnh hưởng của từng khu vực để từ đó xây dựng kế hoạch tiêu thụ cho các thị trường.

Để phục vụ tốt kế hoạch tiêu thụ, công ty kiểm tra lại tất cả các phương tiện bán hàng và phục vụ bán hàng, hệ thống kho bảo quản lạnh, các phương tiện vận tải chuyên dụng bảo đảm dịch vụ nhanh chóng, thuận tiện.

Trong công tác tiêu thụ sản phẩm, công ty đưa ra chính sách:

*Đảm bảo chất lượng, dịch vụ hoàn hảo  
Thoả mãn khách hàng, đời sống nâng cao  
Sáng tạo không ngừng, phát triển bền vững*

Từ chính sách đó, phòng TT & BH xây dựng cụ thể kế hoạch tiêu thụ cho từng tháng, quý, năm.

Cuối năm, công ty mở hội nghị khách hàng nhằm giới thiệu chính sách của công ty và đưa ra chế độ ưu đãi nhằm khuyến khích khách hàng.

*a, Thuận lợi:*

Bia là một loại đồ uống đặc biệt bổ dưỡng, có độ cồn thấp (3-5%), giàu dinh dưỡng, có tác dụng giải nhiệt, có các chất đạm, chất khoáng, vitamin....Được sản xuất từ các loại nguyên liệu chính là đại mạch ươm mầm, hoa houblon và nước với

một quy trình công nghệ khá đặc biệt, cho nên bia có tính chất cảm quan hấp dẫn đối với con người và càng trở nên thông dụng trong đời sống hàng ngày.

Trong những năm gần đây sản lượng bia được tiêu thụ ở nước ta có mức tăng trưởng khá cao, từ năm 1993 đến nay ngành công nghiệp sản xuất bia là một trong những ngành có nhịp độ tăng trưởng nhanh và mang lại lợi nhuận đáng kể ở Việt Nam. Đây là dấu hiệu đáng mừng cho các công ty bia nói chung và công ty cổ phần bia Tây Âu nói riêng.

Hơn nữa, công ty cổ phần bia Tây Âu là một công ty trẻ, số lượng lao động trẻ chiếm trên 60 % là thuận lợi cho công ty phát triển càng lớn mạnh. Các phòng ban đội ngũ lao động có trình độ chiếm số lượng lớn. Các vị trí chủ chốt đều có trình độ đại học và trên đại học.

*b, Khó khăn:*

Bên cạnh những thuận lợi kể trên thì công ty cũng có không ít khó khăn trong quá trình hoạt động. Hiện nay, trong nền kinh tế hội nhập có nhiều đối thủ cạnh tranh đòi hỏi công ty phải ngày càng nâng cao chất lượng. Trên từng đoạn thị trường của công ty Bia Tây Âu đều có đối thủ cạnh tranh mạnh hơn cũng có mà yếu hơn cũng có, nhưng dù thế nào công ty cũng phải chia sẻ thị trường với công ty khác. Và một điều chắc chắn rằng, nếu công ty không ngừng vươn lên và phát triển thì sẽ bị các công ty khác đánh bại sản phẩm của công ty mình và chiếm lĩnh thị trường, phải kể đến đó là công ty bia Hải Phòng (ở nội thành Hải Phòng khách hàng đã quá quen với gu bia Hải Phòng). Mặt khác, là một công ty non trẻ bia Tây Âu chưa tạo được gu riêng hấp dẫn người tiêu dùng, thị trường tiêu thụ chủ yếu là ở ngoại thành và các tỉnh xa nên công tác tiếp thị còn nhiều hạn chế.

Như chúng ta đã biết thì hiện nay thế giới đang trong cuộc khủng hoảng kinh tế lớn, giá cả leo thang làm cho chi phí sản xuất ngày càng tăng gây không ít khó khăn cho công ty trong vấn đề cạnh tranh với công ty khác, người dân cũng cắt giảm chi tiêu nên lượng bia tiêu thụ cũng hạn chế.

*c, Thành tích đạt được trong những năm qua:*

Đứng trước rất nhiều khó khăn thách thức trong năm qua, công ty đã không ngừng cố gắng vươn lên, và đạt được một số thành tích sau: (đvt: đồng)

Chi tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Chênh lệch	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng	12.702.288.720	13.380.965.700	678.676.980	5.34
Tổng lợi nhuận trước thuế	281.297.782	348.206.448	66.908.666	23.78
Lương bình quân đầu người	1.835.000	2.325.000	390.000	16.8

*(Nguồn tài liệu: trích báo cáo tài chính năm 2008)*

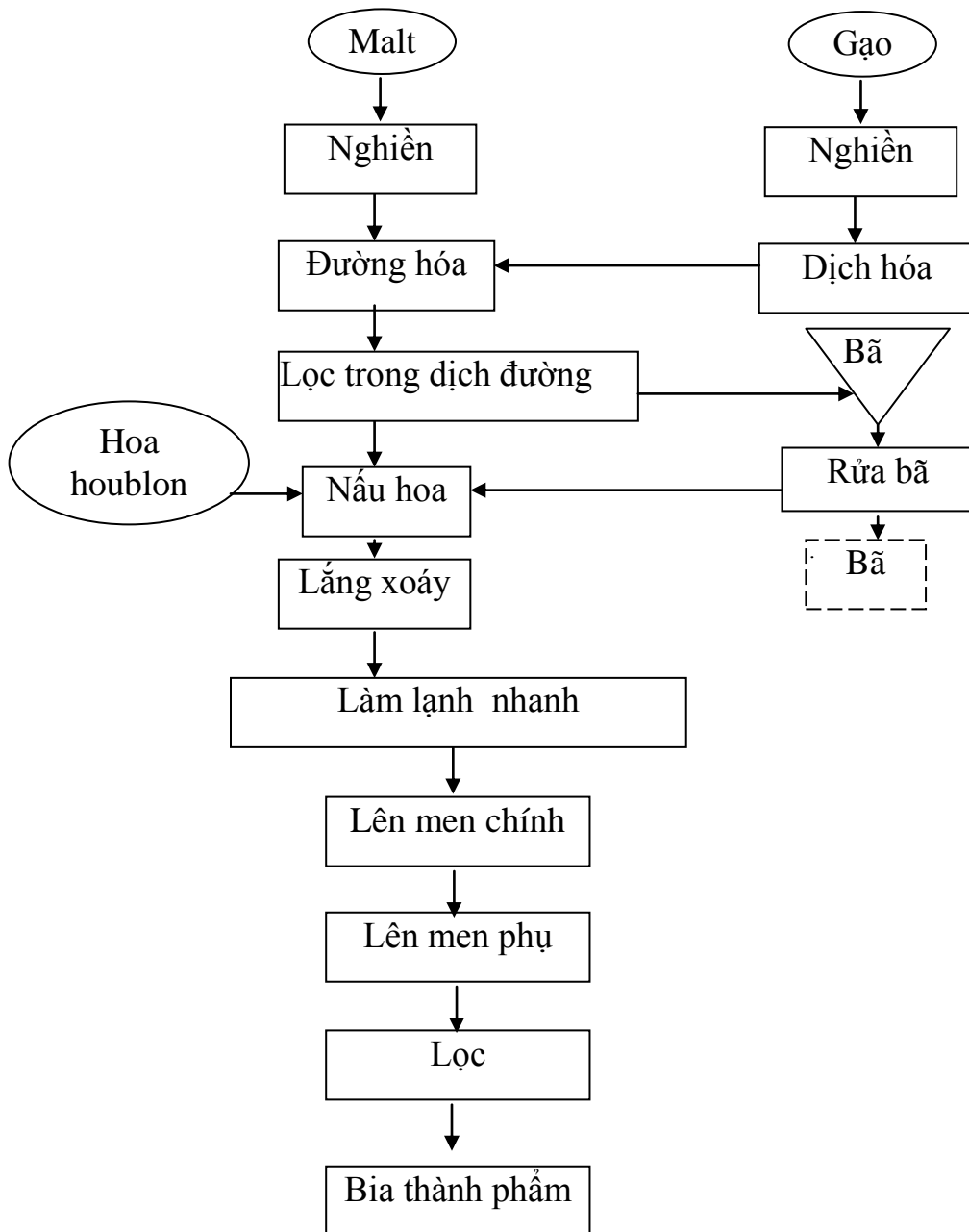
Nhìn vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong hai năm ta thấy rằng, mặc dù kết quả đạt được không cao nhưng nó cũng thể hiện sự cố gắng của công ty trước cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Cụ thể: Doanh thu bán hàng tăng 678.676.980 đ, tương ứng với tỷ lệ 5.4%, lợi nhuận trước thuế cũng tăng 66.980.666 tương ứng với tỷ lệ tăng 23.78%. Đặc biệt, mức lương trung bình của công nhân viên trong công ty đã được cải thiện với mức tăng 390.000đ tương ứng với tỷ lệ 16.8%, góp phần ổn định đời sống của họ khi tỷ lệ lạm phát nước ta tăng cao. Trên đà này, trong tương lai công ty sẽ không ngừng phát triển và thương hiệu “Bia Tây Âu” sẽ được mọi người ưa chuộng hơn.

### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy trình công nghệ chủ yếu**

Dưới nhà máy bộ phận sản xuất được phân thành các tổ:

- Tổ lò hơi
- Tổ lọc
- Tổ lên men
- Tổ máy lạnh
- Tổ nấu
- Tổ chiết rót

Sơ đồ 2.1.1: Quy trình công nghệ sản xuất bia



### 2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức quản lý trực tuyến - chức năng, có nghĩa giám đốc trực tiếp xem xét quản lý tất cả các phòng ban công ty, bên cạnh đó thông qua các phó giám đốc để giám sát tình hình hoạt động của công ty.

Bộ máy công ty được phân làm 2 cấp:

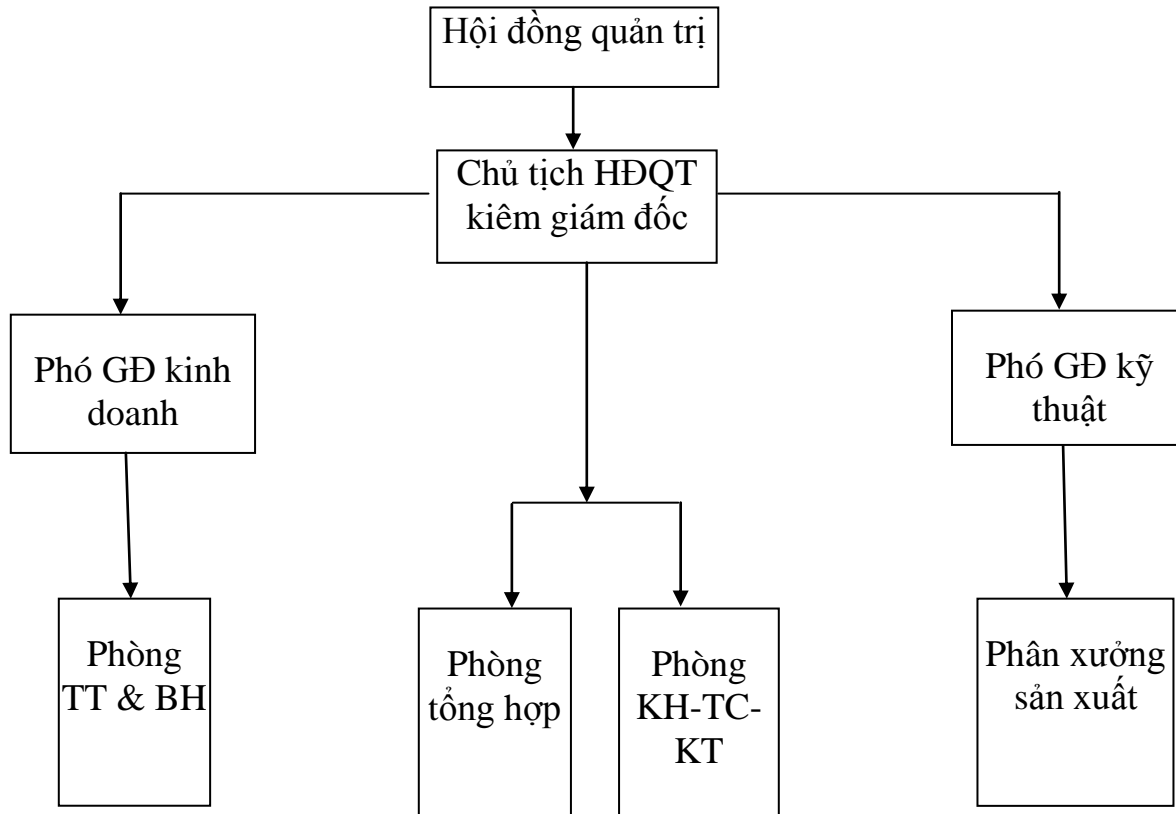
- ♣ Cấp công ty gồm: bộ máy quản lý và các phòng chức năng



△ Cấp phân xưởng: các tổ sản xuất thuộc phân xưởng sản xuất.

Cụ thể mô hình tổ chức của công ty như sau:

**Sơ đồ 2.2.2: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của công ty**



**\* Giám đốc công ty:**

- Giám đốc có trách nhiệm và quyền hạn tổ chức quản lý điều hành chung, hoạch định và tổ chức thực hiện mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đời sống CBCNV trong công ty theo điều lệ công ty cổ phần bia Tây Âu và Luật Doanh nghiệp.

- Giám đốc phụ trách chung và trực tiếp phụ trách một số phòng ban chức năng một số lĩnh vực: Phòng Kế hoạch - Tài chính - Kế toán.

**\* Các phó giám đốc:**

• Phó giám đốc kinh doanh phụ trách các lĩnh vực sau:

- Tiếp thị & bán hàng.
- Cung ứng vật tư kỹ thuật.

- Quản trị hành chính, văn thư, bảo vệ.
- Trực tiếp phụ trách phòng Tiếp thị & Bán hàng.
- Phó giám đốc kỹ thuật trực tiếp phụ trách:
  - Sản xuất, cơ điện và đội xe, an toàn sản xuất, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy, chữa cháy...

**\* Phòng kế hoạch - Tài chính - Kế toán:**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh
- Tổ chức thực hiện công tác tài chính - kế toán
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán theo quy định.

**\* Phòng Tiếp thị & Bán hàng:**

- Tổ chức nghiên cứu, khảo sát thị trường
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tiêu thụ sản phẩm.
- Tổ chức thực hiện công tác tiếp thị, quảng cáo, khuyến mại, hội chợ triển lãm
- Dự trù mua sắm các dụng cụ, phương tiện bán hàng, quảng cáo.
- Quản lý điều hành tác nghiệp hàng ngày về công tác bán hàng.

**\* Phòng Tổng hợp:**

- Công tác kỹ thuật công nghệ
- Công tác kỹ thuật cơ điện
- Công tác tiêu chuẩn hoá đo lường chất lượng sản phẩm

**\* Phân xưởng sản xuất:**

- Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất;
- Công tác quản lý kỹ thuật công nghệ và chất lượng sản phẩm;
- Quản lý toàn bộ tài sản của phân xưởng và triển khai công tác sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;

- Quản lý và đảm bảo các điều kiện an toàn trong sản xuất: an toàn lao động, an toàn máy móc thiết bị, các quy định về bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường;

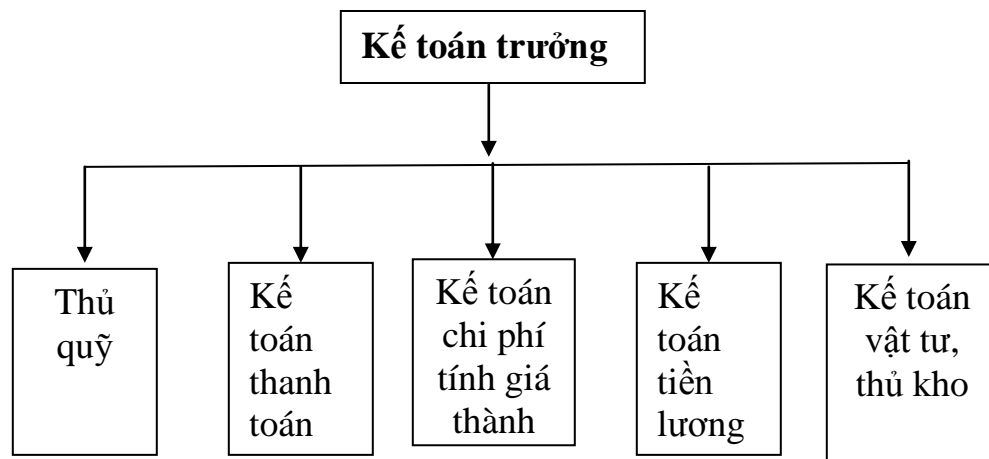
- Công tác quản lý và hạch toán kinh tế phân xưởng.

**2.1.4. Tổ chức công tác kế toán**

**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

*Sơ đồ 2.2.3: Mô hình bộ máy kế toán của công ty cổ phần bia Tây Âu*



Theo mô hình trên chức năng nhiệm vụ của từng người như sau:

- **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp**: chỉ đạo tổ chức các phân hành kế toán, kiểm tra giám đốc toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, tham vấn cho giám đốc có thể đưa ra các quyết định hợp lý. Cuối kỳ kế toán, Kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các bộ phận phòng ban, lập báo cáo tài chính, xác định kết quả và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

- **Thủ quỹ:** có nhiệm vụ quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt

- **Kế toán thanh toán:** có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu, chi bằng tiền của doanh nghiệp, khoá sổ kế toán tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu với thủ quỹ. Kiểm tra chứng từ đầu vào, thanh toán với người bán, người tạm ứng.

- **Kế toán vật tư, thủ kho:** Theo dõi tình hình xuất nhập vật tư của một kho trong công ty

- **Kế toán tiền lương:** Làm lương khối cơ quan, các khoản bảo hiểm, thanh toán các chế độ đi công tác, nghỉ phép, theo dõi chế độ quản lý ăn ca....

- **Kế toán chi phí giá thành:** Có nhiệm vụ theo dõi, tập hợp các loại chi phí sản xuất, tính giá thành các sản phẩm do công ty sản xuất. Phụ trách phần bán hàng, theo dõi và tính toán doanh thu.

#### **2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, BCTC**

##### *☼ Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản:*

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán mới ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

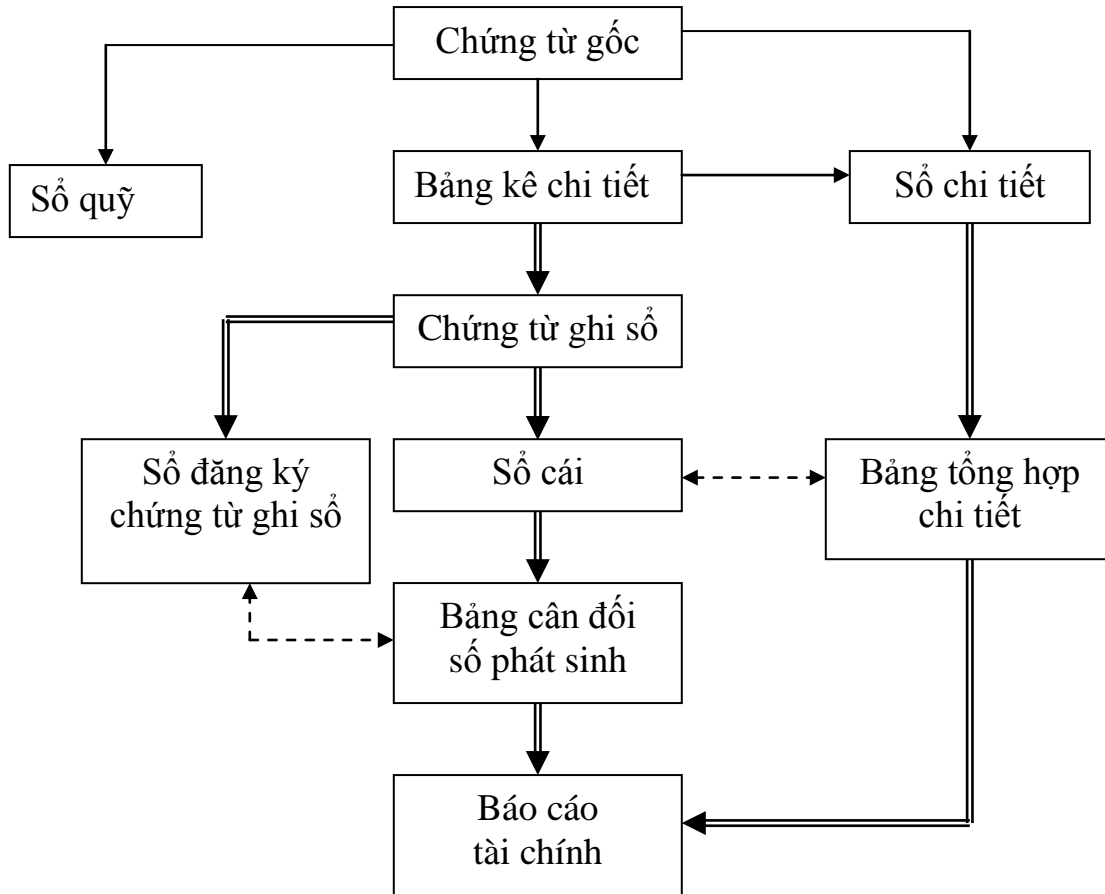
##### *☼ Tổ chức sổ kế toán:*

Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi công ty đã dựng hình thức kế toán “ Chứng từ ghi sổ”. Theo hình thức này, hằng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán lập bảng kê chi tiết của từng tháng. Cuối tháng, căn cứ vào bảng kê chi tiết vào chứng từ ghi sổ, sổ kế toán chi tiết có liên quan. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Cuối năm căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ với bảng cân đối tài khoản, số liệu ghi trên bảng cân đối tài khoản với bảng

tổng hợp chi tiết (được lập từ sổ kế toán chi tiết), được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sổ sách sử dụng: Sổ quỹ, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sổ chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết, sổ cái.

**Sơ đồ 2.2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

☉ *Hệ thống báo cáo tài chính:*

Theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09 – DN)

## 2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BIA TÂY ÂU

### 2.2.1. Đặc điểm công tác quản lý và phân loại nguyên vật liệu tại công ty cổ phần bia Tây Âu

#### 2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu

Tuy công ty sử dụng nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau nhưng do có đặc tính sử dụng và công dụng gần như nhau trong quá trình chế biến nên nguyên vật liệu của công ty được chia thành:

- *Nguyên vật liệu chính:* là những thứ nguyên vật liệu mà sau quá trình gia công, chế biến sẽ cấu thành nên thực thể vật chất chủ yếu của sản phẩm như: Malt, Malt màu, Gạo, Cao, Hoa HPE.....

- *Nguyên vật liệu phụ:* là những vật liệu chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để làm thay đổi màu sắc, hình dáng mùi vị hoặc dùng để bảo quản, phục vụ hoạt động của các tư liệu lao động hay phục vụ cho lao động của công nhân viên chức như: bột lọc, Zaven, Xút vẩy, Phụ gia ( Malturex, Newtrase, Termamyl, Fungamyl...)...

- *Nhiên liệu:* than, dầu...

#### 2.2.1.2. Đặc điểm công tác quản lý

Nguyên liệu, vật liệu là những đối tượng lao động, thể hiện dưới dạng vật hóa. Trong các doanh nghiệp, vật liệu được sử dụng phục vụ cho việc sản xuất, chế tạo

sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ hay sử dụng cho bán hàng, quản lý doanh nghiệp. Đặc điểm của vật liệu là chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất - kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị vật liệu được chuyển hết một lần vào chi phí kinh doanh trong kỳ. Khi tham gia vào hoạt động sản xuất - kinh doanh, vật liệu bị biến dạng hoặc tiêu hao hoàn toàn. Vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như mua ngoài, tự sản xuất, nhận góp vốn liên doanh, vốn góp của các thành viên tham gia công ty..., trong đó, chủ yếu là mua ngoài.

Là công ty sản xuất nên doanh nghiệp sử dụng rất nhiều nguyên vật liệu với số lượng lớn và thường xuyên. Chi phí nguyên vật liệu chiếm 70-80% trong giá thành sản phẩm. Mặt khác, vật liệu có tính chất dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết nếu không được bảo quản cẩn thận và dễ bị hao hụt trong quá trình vận chuyển. Chính vì vậy công tác quản lý và sử dụng có hiệu quả sẽ giúp giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm.

Quản lý vật liệu là khâu quan trọng đầu tiên để đảm bảo cho quá trình sản xuất, việc quản lý nguyên vật liệu ở đây không chỉ về mặt số lượng mà phải quản lý cả về chất lượng nhằm đảm bảo cho nguyên vật liệu không bị biến chất, giảm giá trị sử dụng.

☸ *Khâu thu mua của công ty:* Công ty có bộ phận chuyên công tác thu mua, vận chuyển bốc dỡ. Các bạn hàng, nhà cung ứng khá uy tín nên công tác thu mua và dự trữ nguyên vật liệu ít bị ngừng trệ.

☸ *Khâu bảo quản và dự trữ:* Hiện nay tình hình quản lý nguyên vật liệu tại công ty cổ phần bia Tây Âu đã được chú trọng và quan tâm với cách tổ chức sắp xếp gồm có 4 kho: Kho nguyên vật liệu chính, kho nguyên vật liệu phụ, kho nhiên liệu, kho bao bì. Việc sắp xếp nguyên vật liệu trong từng kho cũng được thực hiện khá hợp lý, thuận tiện cho quá trình sản xuất.

☼ *Khâu sử dụng*: Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào.

Công tác quản lý nguyên liệu, vật liệu được thực hiện ở phòng kỹ thuật vật tư, thủ kho và phòng kế toán.

☼ *Phòng kỹ thuật vật tư*: có trách nhiệm quản lý, lập kế hoạch thu mua, nhập, xuất nguyên vật liệu trong tháng, tìm hiểu lựa chọn các nguồn cung cấp tốt nhất, có lợi nhất. Định kỳ tiến hành kiểm kê, tham mưu cho giám đốc về các loại nguyên vật liệu cần nhập, các loại nguyên vật liệu còn tồn đọng nhiều....và các biện pháp giải quyết hợp lý tránh tình trạng cung ứng không đầy đủ vật liệu cho sản xuất hoặc để tồn đọng quá nhiều gây lãng phí, giảm chất lượng nguyên vật liệu.

☼ *Thủ kho*: là người có trách nhiệm nhập xuất nguyên vật liệu theo phiếu nhập, phiếu xuất, thực hiện đầy đủ thủ tục công ty quy định, tổ chức sắp xếp bảo quản nguyên vật liệu. Hàng ngày tiến hành ghi chép vào thẻ kho, cuối tháng đối chiếu số liệu với kế toán vật tư, đồng thời kết hợp với các cán bộ chuyên môn tiến hành kiểm kê vật liệu thừa thiếu trong tháng.

☼ *Kế toán vật tư*: Là người chuyên theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho nguyên vật liệu đồng thời hạch toán nguyên vật liệu, cuối kỳ đối chiếu số liệu với thủ kho.

### **2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu**

Tính giá nguyên vật liệu là một công tác quan trọng trong việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu. Tính giá nguyên vật liệu là dùng tiền để biểu hiện giá trị của chúng. Hiện nay, công ty hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và nguyên vật liệu được tính theo nguyên tắc giá gốc.



☼ *Tính giá nguyên vật liệu nhập kho*

Nguyên vật liệu của công ty chủ yếu được mua từ các nguồn trong nước, hiện nay, công ty thường mua nguyên vật liệu của các nhà cung cấp thường xuyên và mỗi lần mua thường mua với số lượng lớn nên việc thu mua hầu hết được người bán đưa đến tận kho công ty, chi phí vận chuyển, bốc dỡ thường do bên bán chịu. Chỉ trong trường hợp nhân viên phòng vật tư trực tiếp đi mua thì mới có chi phí thu mua. Công ty xác định trị giá nguyên vật liệu nhập kho theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{NVL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi trên hoá đơn} \\ \text{(Giá chưa có VAT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển} \\ \text{(Nếu có)} \end{array}$$

**VD 1:** Theo hoá đơn GTGT số 090660, nhập kho 2.500 kg Malt của công ty TNHH Huyền Anh, đơn giá 8.250 đồng/kg, thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

$$\Rightarrow \text{Trị giá thực tế của Malt} = 2.500 \times 8.250 = 20.625.000 \text{ đồng}$$

☼ *Tính giá nguyên vật liệu xuất kho*

Do đặc điểm sản xuất, công ty lựa chọn phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị thực tế vật liệu tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định đơn giá bình quân của một đơn vị vật liệu. Căn cứ vào lượng vật liệu xuất trong kỳ và đơn giá bình quân để xác định giá trị thực tế của vật liệu xuất trong kỳ. Thể hiện ở công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{NVL xuất kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng xuất} \\ \text{Trong đó:} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{cả kỳ dự trữ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{bình quân} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} \\ \text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế vật liệu xuất trong kỳ} \\ \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ} \end{array}}$$

**VD 2:** Tình hình nhập xuất tồn của nguyên vật liệu Malt của công ty trong tháng 12 như sau:

I. Tồn đầu kỳ: 2.800 kg, đơn giá: 8.150 đồng/kg

II. Trong tháng phát sinh các nghiệp vụ sau:

1. Ngày 1/12 xuất 2.500 kg Malt phục vụ sản xuất bia hơi
2. Ngày 2/12 nhập 2.500 kg Malt, đơn giá chưa thuế 8.250 đồng/kg
3. Ngày 10/12 nhập 2.000 kg Malt, đơn giá chưa thuế 8.300 đồng/kg
4. Ngày 12/12 xuất 3.200 kg Malt sản xuất bia chai
5. Ngày 10/12 nhập 3.200 kg Malt, đơn giá chưa thuế 8.200 đồng/kg
6. Ngày 25/12 xuất 2.100 kg Malt phục vụ sản xuất bia

☞ Ta có đơn giá bình quân của Malt:

$$\text{ĐGBQ} = \frac{2.800 \times 8.150 + 2.500 \times 8.250 + 2.000 \times 8.300 + 3.200 \times 8.200}{2.800 + 2.500 + 2.000 + 3.200}$$

$$\text{ĐGBQ} = 8.217,62 \text{ (đồng/kg)}$$

Trị giá nguyên vật liệu xuất kho:

- Ngày 1/12:  $2.500 \times 8217.62 = 20.544.050$  (đồng)
- Ngày 12/12:  $3.200 \times 8217.62 = 26.296.384$  (đồng)
- Ngày 25/12:  $2.100 \times 8217.62 = 17.257.002$  (đồng)

### **2.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty**

#### **2.2.3.1. Thủ tục nhập – xuất nguyên vật liệu**

☞ *Trình tự nhập nguyên vật liệu*

Khi nguyên vật liệu về đến công ty, phòng kỹ thuật vật tư sẽ kiểm tra tính hợp lệ, hợp lý của các hoá đơn và đối chiếu với hợp đồng đã ký với nhà cung cấp, kiểm tra trực tiếp số lượng, chất lượng của các lô hàng. Sau đó sẽ tiến hành thủ tục nhập kho (thủ kho có trách nhiệm tổ chức bốc xếp nguyên vật liệu vào kho sao cho khoa

học hợp lý để đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ vật liệu, thuận tiện cho công tác nhập xuất nguyên vật liệu). Các chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Biên bản kiểm nghiệm vật tư: Biên bản này dùng để xác định số lượng, quy cách, chất lượng vật tư, sản phẩm, hàng hoá trước khi nhập kho, làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản. Biên bản kiểm nghiệm được lập thành 2 bản, 1 giao cho bộ phận cung tiêu, 1 giao cho bộ phận phòng kế toán. Trong trường hợp vật tư, sản phẩm, hàng hoá không đúng số lượng, quy cách, phẩm chất so với hoá đơn, doanh nghiệp lập thêm 1 liên, kèm theo chứng từ liên quan gửi cho bên cung cấp vật tư, hàng hoá để giải quyết.

Phiếu nhập kho được lập sau khi có đủ chữ ký của các bộ phận có liên quan gồm: bộ phận phụ trách cung tiêu, người giao hàng, và thủ kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên, đặt giấy than viết một lần:

- 1 liên: Giao cho người giao hàng
- 1 liên: thủ kho làm căn cứ ghi thẻ kho
- 1 liên: Chuyển lên cho phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ

**VD 3:** Tiếp VD 1

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 090660 (*Biểu 2.2.1*), phòng kỹ thuật vật tư lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (*Biểu 2.2.2*), sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho Phiếu nhập kho (*Biểu 2.2.3*).

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT -3LL															
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		NG/2008B															
Liên 2: Giao cho khách hàng		0090660															
Ngày 02 tháng 12 năm 2008																	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Huyền Anh.....																	
Địa chỉ: Hải Phòng .....																	
Số tài khoản: .....																	
Điện thoại: .....		MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>6</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>		0	2	0	0	6	6	1	0	0	7				
0	2	0	0	6	6	1	0	0	7								
Họ tên người mua hàng: Phạm Thị Lan .....																	
Tên đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu .....																	
Số tài khoản: .....																	
Hình thức thanh toán:....chưa thanh toán.....		MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>4</td><td>4</td><td>9</td><td>5</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>		0	2	0	0	6	4	4	9	5	7				
0	2	0	0	6	4	4	9	5	7								
MS:																	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3												
1	Malt	Kg	2.500	8.250	20.625.000												
Cộng tiền hàng:					<b>20.625.000</b>												
Thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		<b>2.062.500</b>													
Tổng cộng tiền thanh toán					<b>22.687.500</b>												
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu sáu trăm tám bảy nghìn năm trăm chẵn./																	
<b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)													
Phạm Thị Lan		Phạm Văn Hùng		Mai Huyền Anh													

**Biểu 2.2.1:** Hóa đơn GTGT số 090660

**Đơn vị:** Công ty cổ phần bia Tây Âu

**Địa chỉ:** Phòng KCS

**Mẫu số 03-VT**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

**Biên bản kiểm nghiệm**

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá

Ngày 02 tháng 12 năm 2008

Số :1116

Căn cứ hoá đơn GTGT số 0090660 ngày 02 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty cổ phần bia Tây Âu và công ty TNHH Huyền Anh.

Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông Nguyễn Văn An – Trưởng phòng kinh doanh – Trưởng ban

+ Ông Đào Văn Minh – Phòng KCS – Ủy viên

+ Bà Phạm Mai Chi – Phòng KCS – Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>E</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>F</b>
1	Malt		Cân	Kg	2.500	2.500	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng hóa mua đạt tiêu chuẩn kỹ thuật

Đại diện kỹ thuật  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Trưởng ban  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.2:** *Biên bản kiểm nghiệm vật tư*

Công ty cổ phần Bia Tây Âu  
 Địa chỉ: 189 Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng  
 ĐT: 0313 853123  
 FAX: 0313 525120

Mẫu số: 01 – VT  
 QĐ 15/2006 BTC  
 Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số : 125

Ngày 02 tháng 12 năm 2008

Họ tên người giao: Phạm Thị Lan .....

Theo: HĐ 090660 Ngày 02 /12/2008 .....

Của : Công ty TNHH Huyền Anh .....

Nhập tại kho: Kho K1-NVLC .....

Nợ	Có
1521	331

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Malt	Kg	2.500	8.250	20.625.000	
2						
3						
4						
5						
Cộng			2.500		20.625.000	

*Nhập, Ngày 02 tháng 12 năm 2008*

**Thủ trưởng đơn vị**

**Phụ trách cung tiêu**

**Người giao hàng**

**Thủ kho**

Phạm Thị Lan

Mai Thị Lan

**Biểu 2.2.3: Phiếu nhập kho số 125**

**VD 4** : Theo hoá đơn GTGT số 090191 ngày 10/12 mua 35 kg bột lọc của công ty TNHH Thái Tân, đơn giá 10.500 đồng/kg, thuế suất thuế GTGT 10%, đã trả bằng tiền mặt.

- Căn cứ hoá đơn GTGT số 090191 (*Biểu 2.2.4*), phòng kỹ thuật vật tư lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (*Biểu 2.2.5*), sau khi kiểm nghiệm xong, thủ kho làm thủ tục nhập kho Phiếu nhập kho (*Biểu 2.2.6*).

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT -3LL															
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		NG/2008B															
Liên 2 Giao cho khách hàng		0090191															
Ngày 10 tháng 12 năm 2008																	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thái Tân .....																	
Địa chỉ: Hải Phòng .....																	
Số tài khoản: .....																	
Điện thoại: .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>6</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>				0	2	0	0	6	6	2	0	0	7				
0	2	0	0	6	6	2	0	0	7								
Họ tên người mua hàng: Phạm Mai Lan .....																	
Tên đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu .....																	
Số tài khoản: .....																	
Hình thức thanh toán:.....TM..... <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>4</td><td>4</td><td>9</td><td>5</td><td>7</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>				0	2	0	0	6	4	4	9	5	7				
0	2	0	0	6	4	4	9	5	7								
MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>																	
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3												
1	Bột lọc	Kg	35	10.500	367.500												
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>367.500</b>												
Thuế GTGT: 10 %      Tiền thuế GTGT:					<b>36.750</b>												
<b>Tổng cộng tiền thanh toán</b>					<b>404.250</b>												
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm linh bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng chẵn./</i>																	
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>													
Phạm Mai Lan		Mai Thu Lan		Nguyễn Thái Anh													

**Biểu 2.2.4: Hoá đơn GTGT số 090191**



**Đơn vị:** Công ty cổ phần bia Tây Âu

**Địa chỉ:** Phòng KCS

**Mẫu số 03-VT**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)

**Biên bản kiểm nghiệm**

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá

Ngày 10 tháng 12 năm 2008

Số :1126

-Theo quyết định số 106/QĐ ngày 10 tháng 12 năm 2008

- Căn cứ hoá đơn GTGT ngày 10 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty cổ phần bia Tây Âu và công ty TNHH Thái Tân.

Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông Nguyễn Văn An – Trưởng phòng kinh doanh – Trưởng ban

+ Ông Đào Văn Minh – Phòng KCS – Ủy viên

+ Bà Phạm Mai Chi – Phòng KCS – Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại:

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>E</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>F</b>
1.	Bột lọc		Cân	Kg	35	35	0	
	/							

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng hóa mua đạt tiêu chuẩn kỹ thuật

Đại diện kỹ thuật

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Trưởng ban

(Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.5:** *Biên bản kiểm nghiệm vật tư*

Công ty cổ phần Bia Tây Âu  
 Địa chỉ: 189 Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng  
 ĐT: 0313 853123  
 FAX: 0313 525120

Mẫu số: 01 – VT  
 QĐ 15/2006 BTC  
 Ngày 20 tháng 3 năm 2006 của  
 Bộ trưởng Bộ Tài Chính

**PHIẾU NHẬP KHO**

Số : 135

Ngày 10 tháng 12 năm 2008

Họ tên người giao: Phạm Thị Lan .....

Theo: HĐ 090191 Ngày 10 /12/2008 .....

Của : Công ty TNHH Thái Tân .....

Nhập tại kho: Kho K2-NVLP .....

Nợ	Có
1522	111

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Bột lọc	Kg	35	10.500	367.500	
2	/					
3						
4						
5						
Cộng			35		367.500	

*Nhập, Ngày 10 tháng 12 năm 2008*

**Thủ trưởng đơn vị**

**Phụ trách cung tiêu**

**Người giao hàng**

**Thủ kho**

Phạm Thị Lan

Mai Thị Lan

**Biểu 2.2.6: Phiếu nhập kho số 135**

☼ *Trình tự xuất kho nguyên vật liệu:*

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho sản xuất. Các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ xuất cũng phải được phê chuẩn đầy đủ và hợp lệ. Các chứng từ sử dụng: - Phiếu xuất kho

- Phiếu xin lĩnh vật tư
- Lệnh sản xuất (nếu có)

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất trong ngày, phân xưởng sản xuất lập “Phiếu xin lĩnh vật tư”. Phiếu này ghi rõ tên người lĩnh, lý do lĩnh, chi tiết loại vật tư, số lượng. Sau khi đã thông qua phòng cung ứng vật tư xét thấy nhu cầu hợp lý, thủ kho sẽ viết phiếu xuất kho theo số lượng yêu cầu của phân xưởng. Phiếu xuất kho có thể được lập riêng cho từng loại vật liệu hoặc lập cho nhiều loại cùng kho. Phiếu xuất kho được lập thành 2 liên:

- 1 liên: Thủ kho giữ làm căn cứ ghi vào thẻ kho
- 1 liên: Được gửi lên cho kế toán để làm căn cứ ghi sổ

**VD 5:** Căn cứ vào phiếu yêu cầu vật tư (*Biểu 2.2.7*), thủ kho ghi phiếu xuất kho (*Biểu 2.2.8*)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA TÂY ÂU**  
**PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ**

Bộ phận yêu cầu: Tổ nấu

Số phiếu: 1

Bộ phận nhận yêu cầu: Phòng vật tư

Lần yêu cầu: 1

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ngày yêu cầu
1	Malt	Kg	2.500	Sản xuất bia hơi	01/12/2008
2	Gạo	Kg	2.500		
3	Malt màu	Kg	12		
4	Hoa Cao	Kg	6		
5	Hoa HPE	Kg	5		

Ngày 01/12/2008

Ngày 01/12/2008

Ngày 01/12/2008

Xác nhận phiếu yêu cầu

Người yêu cầu

Phê duyệt

**Biểu 2.2.7: Phiếu yêu cầu vật tư**

Công ty cổ phần bia Tây Âu  
Địa chỉ: 189 Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng  
ĐT: 0313 853123  
FAX: 0313 849605

Mẫu số: 01 – VT  
QĐ 15/2006 BTC  
Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

## **PHIẾU XUẤT KHO**

Số : 205

Ngày 01 tháng 12 năm 2008

Tên đơn vị nhận: Tổ nấu.....

Lý do xuất kho: xuất NVL sản xuất bia hơi .....

Xuất tại kho: Kho K1-NVLC .....

Nợ	Có
6211	1521

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Malt	Kg	2.500			
2	Gạo	Kg	2.500			
3	Malt màu	Kg	120			
4	Hoa cao	Kg	60			
5	Hoa HPE	Kg	50			
Cộng						

*Xuất, Ngày 01 tháng 12 năm 2008*

**Thủ trưởng đơn vị**

**Phụ trách cung tiêu**

**Người giao hàng**

**Thủ kho**

Vũ Thị Ngọc Lan

Phạm Mai Hương

**Biểu 2.2.8: Phiếu xuất kho số 205**

**VD 6:** Căn cứ vào phiếu yêu cầu vật tư (*Biểu 2.2.9*), thủ kho ghi phiếu xuất kho (*Biểu 2.2.10*)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA TÂY ÂU**  
**PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ**

Bộ phận yêu cầu: Tổ lọc

Số phiếu: 1

Bộ phận nhận yêu cầu: Phòng vật tư

Lần yêu cầu: 1

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ngày yêu cầu
<b>1</b>	<b>Bột lọc</b>	<b>Kg</b>	<b>10</b>	<b>Sản xuất bia hơi</b>	<b>02/12/2008</b>

Ngày 01/12/2008

Ngày 01/12/2008

Ngày 01/12/2008

Xác nhận phiếu yêu cầu

Người yêu cầu

Phê duyệt

**Biểu 2.2.9: Phiếu yêu cầu xuất vật tư**

Công ty cổ phần bia Tây Âu  
 Địa chỉ: 189 Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng  
 ĐT: 0313 853123  
 FAX: 0313 849605

Mẫu số: 01 – VT  
 QĐ 15/2006 BTC  
 Ngày 20 tháng 3 năm 2006  
 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính

## PHIẾU XUẤT KHO

Số : 208

Ngày 02 tháng 12 năm 2008

Tên đơn vị nhận: Tô lọc .....

Lý do xuất kho: xuất NVL phục vụ sản xuất.....

Xuất tại kho: Kho K2-NVLP.....

Nợ	Có
6211	1522

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Bột lọc	Kg	10			
2	/					
3						
4						
5						
<b>Cộng</b>			10			

*Xuất, Ngày 02 tháng 12 năm 2008*

**Thủ trưởng đơn vị**

**Phụ trách cung tiêu**

**Người giao hàng**

**Thủ kho**

Vũ Thị Ngọc Lan

Phạm Mai Hương

**Biểu 2.2.10: Phiếu xuất kho số 208**

### **2.2.3.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty cổ phần bia Tây Âu**

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào trong quá trình sản xuất sản phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên việc sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện kế hoạch sản xuất.

Quá trình nhập xuất tại công ty diễn ra thường xuyên nên công ty đã lựa chọn hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu được thực hiện song song giữa kho và phòng kế toán trong việc quản lý vật liệu để phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ sự biến động của vật liệu làm cơ sở cho việc ghi sổ kế toán và kiểm tra sự giám sát sự biến động của chúng.

Cụ thể:

☼ *Ở kho:*

Việc theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho do thủ kho tiến hành trên thẻ kho. Mỗi thẻ kho theo dõi một loại nguyên vật liệu và được mở từng tháng. Đầu tháng, thủ kho ghi số lượng tồn đầu kỳ căn cứ vào lượng tồn cuối tháng trước. Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất, tồn kho được tập hợp cho từng loại vật liệu thủ kho sẽ tiến hành ghi và thẻ kho về mặt lượng, mỗi nghiệp vụ ghi một dòng trên thẻ kho, cuối ngày tính ra lượng tồn kho trong ngày. Cuối tháng, thủ kho cộng tổng số lượng nhập, xuất, tồn trong tháng của từng thứ nguyên vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán chi tiết vật liệu do kế toán vật tư lập.

☼ *Ở phòng kế toán:*

Hàng ngày, sau khi nhận được chứng từ do thủ kho chuyển đến, kế toán kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị và hoàn chỉnh chứng từ. Kế toán sử dụng các sổ chi tiết vật liệu để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị, mỗi chứng từ được ghi một dòng.



Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu và tiến hành so sánh số liệu giữa sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho của thủ kho, với số liệu kiểm kê thực tế.

**VD 7:** Tiếp VD 3, VD 5

- Căn cứ vào PN 125, PX 205 thủ kho ghi thẻ kho (*Biểu 2.2.11*)
- Căn cứ vào PN 125, PX 205 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết vật liệu Malt

(*Biểu 2.2.13*)

**VD 8:** Tiếp VD 4, VD 6

- Căn cứ vào PN 135, PX 208 thủ kho ghi thẻ kho (*Biểu 2.2.12*)
- Căn cứ vào PN 135, PX 208 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết vật liệu Malt

(*Biểu 2.2.14*)

- ☞ Cuối tháng, từ sổ chi tiết vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (*Biểu 2.2.15*)

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu

Mẫu S12 - DN

Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

**THẺ KHO (SỔ KHO)**

Ngày lập thẻ: 31/12/2008

Tờ số: 57

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Malt

Đơn vị tính: Kg

Mã số:

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng				<b><u>2.800</u></b>	
			Số phát sinh tháng 12					
1/12		PX 205	Xuất kho vật liệu	1/12		2.500	300	
2/12	PN 125		Nhập kho vật liệu	2/12	2.500		2.800	
10/12	PN 134		Nhập kho vật liệu	10/12	2.000		4.800	
12/12		PX 218	Xuất kho vật liệu	12/12		3.200	1.600	
18/12	PN 140		Nhập kho vật liệu	18/12	3.200		4.800	
25/12		PX 229	Xuất kho vật liệu	25/12		2.100	2.700	
			Cộng phát sinh tháng 12					
			Số dư cuối kỳ				<b><u>2.700</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.11:** Thẻ kho Malt

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu

Mẫu S12 - DN

Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

**THẺ KHO (SỔ KHO)**

Ngày lập thẻ: 31/12/2008

Tờ số: 65

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Bột lọc

Đơn vị tính: Kg

Mã số:

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng				<b><u>25</u></b>	
			Số phát sinh tháng 12					
2/12		PX 208	Xuất kho vật liệu	2/12		10	15	
10/12	PN 135		Nhập kho vật liệu	10/12	35		50	
14/12		PX 221	Xuất kho vật liệu	14/12		13	37	
26/12		PX 231	Xuất kho vật liệu	26/12		9	28	
			Cộng phát sinh tháng 12		35	32		
			Số dư cuối kỳ				<b><u>28</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.12**: Thẻ kho Bột lọc

Công ty cổ phần bia Tây Âu  
189 Hàng Kênh-Lê Chân-Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU**  
Ngày lập số:1/12/2008

**Mẫu S10-DN**

Tài khoản:152  
Tên kho:K1  
Tên quy cách vật liệu: **Malt**

Đơn vị tính:Kg

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐỐI ỨNG	ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT		TÒN	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<b>Tồn đầu tháng</b>		<b>8.150</b>					<b>2.800</b>	<b>22.820.000</b>
		<b>Phát sinh T12</b>								
PX 205	1/12	Xuất kho vật liệu sx bia hơi	6211	8.217,62			2.500	20.544.050	300	2.275.950
PN 125	2/12	Mua vật liệu chưa thanh toán	331	8.250	2.500	20.625.000			2.800	22.900.950
PN 134	10/12	Mua vật liệu trả bằng TM	111	8.300	2.000	16.600.000			4.800	39.500.950
PX 218	12/12	Xuất kho vật liệu sx bia chai	6212	8.217,62			3.200	26.296.384	1.600	13.204.566
PN 140	18/12	Mua vật liệu trả bằng TM	111	8.200	3.200	26.240.000			4.800	39.444.566
PX 229	25/12	Xuất kho vật liệu sx bia chai	6212	8.217,62			2.100	17.257.002	2.700	22.187.574
		<b>Cộng phát sinh T12</b>		x	<b>7.700</b>	<b>63.465.000</b>	<b>7.800</b>	<b>64.097.436</b>		
		<b>Tồn cuối tháng</b>							<b>2.700</b>	<b>22.187.574</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.2.13: Sổ chi tiết Malt**

Công ty cổ phần bia Tây Âu  
189 Hàng Kênh-Lê Chân-Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU**  
Ngày lập số:1/12/2008

Mẫu S10-DN

Tài khoản:152  
Tên kho:K2  
Tên quy cách vật liệu: **Bột lọc**

Đơn vị tính:Kg

Chứng từ		DIỄN GIẢI	Tài khoản đối ứng	ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT		TÒN	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		<b>Tồn đầu tháng</b>		<b>10.200</b>					<b>25</b>	<b>255.000</b>
		<b>Số phát sinh T12</b>								
PX 208	2/12	Xuất kho vật liệu sx bia hơi	6211	10.375			10	103.750	15	151.250
PN 135	10/12	Mua vật liệu trả bằng TM	111	10.500	35	367.500			50	518.750
PX 221	14/12	Xuất kho vật liệu sx bia chai	6212	10.375			13	134.875	37	383.875
PX 231	26/12	Xuất kho vật liệu sx bia chai	6212	10.375			9	93.375	28	281.500
		<b>Cộng phát sinh T12</b>		x	<b>35</b>	<b>367.500</b>	<b>32</b>	<b>332.000</b>		
		<b>Tồn cuối tháng</b>							<b>28</b>	<b>290.500</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu 2.2.14: Sổ chi tiết Bột lọc**

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu  
 Bộ phận: 189 Hàng Kênh – Lê Chân

Mẫu số: S10-DN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2008

S T T	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Malt	Kg	2.800	22.820.000	7.700	<b>63.465.000</b>	7.800	64.097.436	2.700	22.187.574
2	Gạo	Kg	4.000	28.000.000	8.500	63.750.000	8.000	58.720.000	4.500	33.030.000
3	Malt màu	Kg	215	32.250.000	8.500	63.750.000	195	29.250.000	20	3.000.000
4	Hoa Cao	Kg	30	14.700.000	210	105.000.000	180	89.775.000	60	29.925.000
5	Trimêta	Kg	15	742.500	24	1.200.000	26	1.295.000	13	647.500
6	Bột lọc	Kg	25	255.000	35	367.500	32	332.000	28	290.500
7	Zaven	Kg	20	36.000	80	160.000	75	147.000	25	49.000
	.....									
	<b>Cộng</b>		<b>x</b>	<b>315.725.000</b>	<b>x</b>	<b>651.425.000</b>	<b>x</b>	<b>670.125.028</b>	<b>x</b>	<b>297.024.992</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ  
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)

Giám đốc  
 (Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.15:** Trích số tổng hợp chi tiết vật liệu tháng 12 năm 2008

#### **2.2.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu**

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công ty cổ phần bia Tây Âu sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

☞ *Chứng từ sử dụng:*

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

☞ *Tài khoản sử dụng:*

- TK 152 – Nguyên liệu, vật liệu.
- TK liên quan: TK 111, TK 331, TK 133, TK 621

☞ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ chi tiết: chứng từ ghi sổ
- Sổ tổng hợp: sổ cái, sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

☞ *Quy trình hạch toán:*

Ở phòng kế toán, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra : Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Hoá đơn GTGT, kế toán ghi vào bảng kê chi tiết.

Cuối tháng, từ bảng kê chi tiết kế toán vào chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái các tài khoản liên quan, và sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

**VD 9:** Tiếp các VD trên

♦ Hàng ngày:

- Từ PX 205,208 kế toán vào bảng kê chi tiết tháng 12 ghi có TK 152 (*Biểu 2.2.16*)
- Từ PN 125,135 kế toán vào bảng kê chi tiết tháng 12 ghi nợ TK 152 (*Biểu 2.2.17*)

♦ Cuối tháng:

- Từ bảng kê chi tiết vào chứng từ ghi sổ 401, 402 (Biểu 2.2.18)
- Từ chứng từ ghi sổ vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu 2.2.19)
- Từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái các tài khoản liên quan TK 152 (Biểu 2.2.20), TK 621 (Biểu 2.2.21), TK 331 (Biểu 2.2.22), TK 111 (Biểu 2.2.23)

**BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12/2008**

*Ghi có TK 152, ghi nợ tài khoản liên quan*

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có tài khoản 152	Ghi nợ các tài khoản	
Số hiệu	Ngày tháng			6211	6212
PX 205	1/12	XK vật liệu: Malt	20.544.050	20.544.050	
		Gạo	18.350.000	18.350.000	
		Malt màu	18.000.000	18.000.000	
		Hoa cao	29.925.000	29.925.000	
		Hoa HPE	15.325.000	15.325.000	
PX 206	1/12	Than	1.140.000	1.140.000	
		Newtrase	714.000	714.000	
		Funganyl	3.500.000	3.500.000	
PX 27		Trimêta	398.462	398.462	
		Oxinia	55.395	55.395	
PX 208	2/12	Xuất bột lọc	332.000	332.000	
		.....			
		<b>Cộng</b>	<b>670.125.028</b>	<b>223.375.008</b>	<b>446.750.020</b>

***Biểu 2.2.16: Bảng kê chi tiết ghi có TK152***



**BẢNG KÊ CHI TIẾT THÁNG 12/2008**

*Ghi nợ TK 152, ghi có tài khoản liên quan*

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ tài khoản 152	Ghi có các tài khoản		
Số hiệu	Ngày tháng			111	112	331
PN 125	2/12	Mua 2.500 kg Malt	20.625.000			20.625.000
PN 126	2/12	Mua 5000 kg gạo	37.500.000	12.500.000	25.000.000	
PN 127	3/12	Mua 50 kg Cao	25.000.000	25.000.000		25.000.000
PN 128	4/12	Mua 5070 kg than	4.056.000	4.056.000		
PN 129	4/12	Mua 50 kg Za ven	100.000	100.000		
PN 130	4/12	Mua 12 kg Fungamyl	12.000.000	12.000.000		
PN 131	6/12	Mua Newtrase	14.500.000	14.500.000		
PN 132	6/12	Mua Trimêta	16.800.000	16.800.000		
PN 133	8/12	Mua hoa 30 kg HPE	55.000.000			55.000.000
PN 134	10/12	Mua 2000 kg Malt	16.600.000	16.600.000		
PN 135	10/12	Mua 35 kg bột lọc	367.500	367.500		
		.....				
		<b>Cộng</b>	<b>651.425.000</b>	<b>425.800.000</b>	<b>100.000.000</b>	<b>125.625.000</b>

***Biểu 2.2.17: Bảng kê chi tiết tháng 12 ghi nợ TK 152***

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu  
Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu S02a - DN

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31/12/2008

Số 401

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Mua nguyên vật liệu	152	111	425.800.000	
	152	112	100.000.000	
	152	331	125.625.000	
<b>Cộng</b>			<b>651.425.000</b>	

Người lập

Kế toán trưởng

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu  
Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu S02a - DN

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Ngày 31/12/2008

Số 402

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Xuất NVL phục vụ sản xuất	6211	152	223.375.008	
	6212	152	446.750.020	
<b>Cộng</b>			<b>670.125.028</b>	

Người lập

Kế toán trưởng

**Biểu 2.2.18: Chứng từ ghi sổ số 401, 402**

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu  
Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

Mẫu S03a - DN

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
Năm 2008

*(Đơn vị tính: Đồng)*

Chứng từ		Số tiền	Chứng từ		Số tiền
Số	Ngày		Số	Ngày	
		Tháng 12/2008			
...	...		...	...	
<b>401</b>	<b>31/12</b>	<b>651.425.000</b>	421	31/12	72.296.000
<b>402</b>	<b>31/12</b>	<b>670.125.028</b>	422	31/12	120.648.910
403	31/12	952.625.000	423	31/12	125.625.000
404	31/12	24.355.600	424	31/12	4.197.160.896
405	31/12	65.142.500	425	31/12	670.125.028
...	...		...	...	
	<b>Cộng</b>	<b>7.935.032.007</b>		<b>Cộng</b>	<b>19.922.554.269</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán ghi sổ  
*(Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng  
*(Ký, họ tên)*

**Biểu 2.2.19: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ**

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu  
Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

**Mẫu S02c1 - DN**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152**

Năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		<b><u>315.725.000</u></b>	
			Số phát sinh tháng 12			
31/12	401	31/12	NK vật liệu	111	425.800.000	
				112	100.000.000	
				331	125.625.000	
31/12	402	31/12	XK vật liệu	6211		223.375.008
				6212		446.750.020
			Cộng phát sinh tháng 12		<b>651.425.000</b>	<b>670.125.028</b>
			Số dư cuối tháng		<b><u>297.024.992</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.20:** Sổ cái tài khoản 152

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu  
 Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

**Mẫu S02c1 - DN**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 621**

Năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
			Số phát sinh tháng 12			
31/12	402	31/12	XK vật liệu	152	670.125.028	
31/12	425	31/12	Kết chuyển cpsx	154		670.125.028
			Cộng phát sinh tháng 12		<b>670.125.028</b>	<b>670.125.028</b>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.21: Sổ cái tài khoản 621**

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu  
Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

**Mẫu S02c1 - DN**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 331**

Năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			<b><u>96.875.000</u></b>
			Số phát sinh tháng 12			
31/12	401	31/12	NK vật liệu	152		125.625.000
31/12	405	31/12	Thuế GTGT đầu vào	133		12.562.500
31/12	423	31/12	Thanh toán tiền	111	50.187.500	
				112	75.437.500	
			.....			
			Cộng phát sinh tháng 12		<b>125.625.000</b>	<b>345.750.000</b>
			Số dư cuối tháng			<b><u>317.000.000</u></b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.22:** Trích sổ cái tài khoản 331

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu  
 Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

**Mẫu S02c1 - DN**

**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 111**

Năm 2008

Ngày ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng		<b><u>587.500.000</u></b>	
			Số phát sinh tháng 12			
31/12	401	31/12	Mua nguyên vật liệu	152		425.800.000
31/12	403	31/12	Thu tiền bán hàng	511	950.125.000	
			Thu tiền tạm ứng thừa	141	2.500.000	
31/12	421	31/12	Thanh toán tiền lương	334		72.296.200
31/12	423	31/12	Trả tiền người bán	331		50.187.500
			.....			
			Cộng phát sinh		<b><u>952.625.000</u></b>	<b><u>931.280.000</u></b>
			Số dư cuối tháng		<b><u>608.845.000</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán ghi sổ  
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.23:** Trích sổ cái tài khoản 111

Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu  
 Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

**Mẫu S31 - DN**

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Đối tượng: Công ty TNHH Huyền Anh

Tháng 12 năm 2008

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu tháng					-
		Số phát sinh tháng 12					
PN 125	2/12	Mua NVL chưa thanh toán	152		20.625.000		20.625.000
		Thuế VAT tương ứng	133		2.062.500		22.687.500
PN 127	3/12	Mua NVL chưa thanh toán	152		25.000.000		47.687.500
		Thuế VAT tương ứng	133		2.500.000		50.187.500
PC 85	8/12	Trả tiền người bán	111	50.187.500			-
		Cộng phát sinh tháng 12		<b>50.187.500</b>	<b>50.187.500</b>		
		Số dư cuối tháng					-

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán ghi sổ  
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (Ký, họ tên)

**Biểu 2.2.24: Sổ chi tiết TK 331 – Công ty Huyền Anh**



Đơn vị: Công ty cổ phần bia Tây Âu  
 Địa chỉ: 189 Hàng Kênh - Lê Chân - Hải Phòng

**Mẫu S32 - DN**

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**  
*Tháng 12 năm 2008*

STT	Tên người bán	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Huyền Anh		-	50.187.500	50.187.500		-
2	Công ty TNHH Huyền Anh		33.000.000	-	22.000.000		55.000.000
3	Công ty TNHH Hòa Phát		50.000.000	55.000.000	55.000.000		50.000.000
4	Công ty TNHH Huy Hoàng		5.500.000	-	11.000.000		16.500.000
5	Công ty Điện Lực Hải Phòng		1.875.875	1.875.875	-		-
	.....						
	<b>Cộng</b>		<b>96.875.000</b>	<b>125.625.000</b>	<b>345.750.000</b>		<b>317.000.000</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2008*

Kế toán ghi sổ  
*(Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng  
*(Ký, họ tên)*

**Biểu 2.2.25: Bảng tổng hợp TK 331**

### 2.3. CÔNG TÁC KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà nước mỗi năm công ty cổ phần bia Tây Âu tiến hành kiểm kê hàng tồn kho, và các tài sản khác một lần vào cuối năm.

Mục đích của việc kiểm kê vật liệu, công cụ dụng cụ là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng của vật tư trong kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư ở công ty. Trước mỗi lần kiểm kê, được sự thông báo của hội đồng kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời, ở phòng kế toán, các sổ kế toán về vật tư đều được khoá sổ sau khi kế toán tính ra giá trị tồn kho của vật tư. Thông qua việc cân, đo, đong, đếm ... Hội đồng kiểm kê phát hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này, giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như: thanh lý, nhượng bán, quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc hỏng... Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Nhìn chung công tác quản lý vật tư của công ty là khá tốt nên không có trường hợp mất mát, chỉ có một vài trường hợp thiếu, bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan.

**VD 10:** Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu ngày 31/12/2008. Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật liệu (*Biểu 2.3.1*)

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ  
NĂM 2008**

Thời điểm kiểm kê: 9h00 ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Phạm Minh Đức                                      Chức vụ: Phòng KCS                                      Trưởng ban kiểm kê
- Bà: Nguyễn Mai Anh                                      Chức vụ: Thủ kho    Ủy viên
- Bà: Phạm Hải An    Chức vụ: Kế toán vật tư                                      Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng sau:

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Sổ sách		Thực tế		Chênh lệch				Chất lượng		
			SL	T.Tiền	SL	T.Tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
							SL	T.Tiền	SL	T.Tiền			
1	Malt	Kg	2.700		2.700		-		-		X		
2	Gạo	Kg	4.500		4.500		-		-		X		
3	Bột lọc	Kg	28		28		-		-		X		
	.....												

Kết luận của ban kiểm kê: Tất cả vật liệu còn tốt 100%, không chênh lệch giữa sổ sách và kết quả kiểm kê.

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Thủ kho  
(Ký, họ tên)

Trưởng ban kiểm kê  
(Ký, họ tên)

***Biểu 2.3.1: Trích Biên bản kiểm kê nguyên vật liệu năm 2008***

### **Chương 3**

## **MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BIA TÂY ÂU**

### **3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY**

Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý tài chính đã khẳng định vai trò vị trí của thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là một công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra, tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong doanh nghiệp.

Khi xu thế cạnh tranh ngày càng lành mạnh giữa các doanh nghiệp, giá cả là yếu tố cốt yếu quyết định “số phận” của sản phẩm, lợi nhuận của công ty. Như chúng ta đã biết, nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh chân thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm cách tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Công ty cổ phần bia Tây Âu mặc dù có rất nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu, song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và đồng bộ nguyên vật liệu cho sản xuất, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm, ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí nguyên vật liệu trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu của thị trường, tăng lợi nhuận cho công

ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty là vô cùng quan trọng.

### 3.2. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỬ DỤNG VÀ HẠCH TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay và đặc biệt là nước ta đã gia nhập các tổ chức kinh tế quốc tế (như WTO, APEC...), việc hội nhập này đòi hỏi tất cả các Doanh nghiệp phải thay đổi cách nhìn nhận về một sân chơi mới và có tính chuyên nghiệp cao.

Trước những thách thức và cơ hội này, Công ty cổ phần bia Tây Âu đã từng bước khẳng định tính độc lập và tự chủ trong kinh doanh. Công ty đã biết khai thác phát huy, sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng đem đến từ bên ngoài thu được bằng thắng lợi rõ rệt về mọi mặt:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ, công nhân
- Làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước
- Đầu tư xây dựng cơ bản
- Sắp xếp, tổ chức lại lực lượng sản xuất
- Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có tay nghề và trình độ

Công ty cổ phần bia Tây Âu mới thành lập được hơn 5 năm nên có thể nói thành tích mà công ty đạt được trong thời gian qua có ý nghĩa rất lớn với sự phát triển trong tương lai của công ty.

Một doanh nghiệp với đặc điểm nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Qua quá trình nghiên cứu thực tế về công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty cho thấy công ty có rất nhiều cố gắng trong việc nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đáp

ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Song qua thời gian thực tập nghiên cứu tại công ty cổ phần bia Tây Âu em nhận thấy trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở đây đã có những ưu điểm nhưng cũng còn tồn tại một số hạn chế, em xin mạnh dạn đưa ra dưới đây rất mong công ty tiếp tục phát huy những ưu điểm đồng thời nhanh chóng khắc phục những nhược điểm nhằm mục đích hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu trong thời gian tới.

### **3.2.1. Ưu điểm**

Trải qua thời gian tồn tại và phát triển, công ty cổ phần bia Tây Âu đã thường xuyên đổi mới phương thức quản lý, đáp ứng yêu cầu không ngừng mở rộng quy mô sản xuất chiếm được lòng tin của khách hàng. Việc xây dựng được cơ cấu quản lý phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, điều này phục vụ đắc lực cho quá trình sản xuất mang lại cho công ty một khoản lợi nhuận đáng kể, góp phần nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên và đóng góp một phần không nhỏ vào ngân sách Nhà nước.

#### *☼ Về tổ chức sản xuất kinh doanh:*

Với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất bia, để tổ chức sản xuất công ty có một phân xưởng chính là nơi đặt hệ thống máy sản xuất. Để đáp ứng được nhu cầu của thị trường, công ty đã không ngừng nâng cấp đầu tư dây chuyền công nghệ, thiết bị hiện đại tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, giá cả cạnh tranh. Sản phẩm của công ty được sản xuất từ những nguồn nguyên vật liệu tốt trong và ngoài nước.

#### *☼ Về tổ chức bộ máy quản lý:*

Với bộ máy quản lý tổ chức gọn nhẹ thống nhất từ trên xuống dưới, công ty cổ phần bia Tây Âu đã xây dựng quản lý theo hình thức trực tuyến - chức năng và hạch toán phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, chủ động trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo đứng vững trong điều kiện hiện nay. Với mô hình này các

phòng ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho giám đốc hoặc phó giám đốc, trực tiếp phụ trách các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ của mình, đồng thời các phân xưởng bố trí thực hiện nhiệm vụ sản xuất từ công ty đưa xuống đảm bảo số lượng được giao.

☉ *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Công ty cổ phần bia Tây Âu hiện có bộ máy kế toán tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với quy mô của công ty theo mô hình trực tuyến chức năng. Với hình thức tổ chức kế toán tập trung, bộ máy kế toán đã phát huy hiệu quả của mình trong việc tăng cường hạch toán phục vụ cho quản lý và công tác kế toán nguyên vật liệu.

Trong phòng Tài chính - Kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ tay nghề phù hợp, nhiệt tình với công việc đã tạo điều kiện tốt cho công tác hạch toán.

Trong công tác kế toán có sự phân công phân nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ với từng phần hành kế toán một cách hợp lý. Các nhân viên kế toán phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời cho đối tượng sử dụng.

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty, tập thể cán bộ phòng Kế toán – Tài chính không ngừng trau dồi trình độ nghiệp vụ của mình, trở thành công cụ đắc lực trong công tác hạch toán của công ty. Phòng kế toán tài chính đã thực hiện tốt các công việc của mình từ việc thu nhận, xử lý, nhập dữ liệu và công tác kết chuyển cuối tháng, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh. Việc sử dụng các chứng từ cũng như trình tự luân chuyển chứng từ thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Thực hiện các chế độ hạch toán kinh tế, nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước.

☉ *Về hình thức kế toán, chứng từ, sổ sách:*

Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp vừa và nhỏ. Công ty hạch

toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đây là phương pháp đang được sử dụng phổ biến ở nước ta. Công ty vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo thông tin nhanh nhạy, hiệu quả.

Hiện nay, công ty thực hiện việc lập báo cáo kết quả kinh doanh một năm một lần, song hàng tháng công ty vẫn thực hiện xác định kết quả kinh doanh cho tháng đó và lập báo cáo quản trị để gửi lên ban lãnh đạo công ty để kịp thời theo dõi, đánh giá và có những biện pháp hữu hiệu nhất để có thể tăng doanh thu trong năm tới. Đây là việc làm tốt công ty cần phát huy và thực hiện thường xuyên.

☉ *Về công tác kế toán nguyên vật liệu:*

Góp phần làm nên vị trí quan trọng của phòng Kế toán – Tài chính hôm nay phải kể đến bộ phận kế toán nguyên vật liệu đã phản ánh chặt chẽ, toàn diện tài sản, tiền vốn của công ty, cung cấp thông tin một cách chính xác và kịp thời, phục vụ tốt cho công tác quản lý, phân tích lập kế hoạch và công tác lãnh đạo. Công ty đã xây dựng được định mức sản xuất cho từng loại nguyên vật liệu nên đảm bảo cho việc tập hợp chi phí và tính giá thành. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, phương pháp này có nhiều ưu điểm vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp sản xuất. Phương pháp hạch toán này đã giúp công ty quản lý, theo dõi kiểm tra nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chính xác, kịp thời hơn. Để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ Công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Với phương pháp này giúp cho phòng kế toán có thể theo dõi chặt chẽ từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đồng thời việc kiểm tra, đối chiếu sổ các chứng từ cũng



đơn giản. Các thẻ kho, sổ chi tiết và các loại sổ sách chi tiết khác có liên quan của phương pháp này được công ty mở và ghi chép đúng mẫu, kịp thời và đầy đủ.

☼ *Về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu:*

Để tồn tại và phát triển ổn định công ty coi công tác quản lý là nhiệm vụ quản trị hàng đầu, đặc biệt chú trọng công tác quản lý, hạch toán hàng tồn kho.

♦ *Công tác thu mua:* Công ty có bộ phận chuyên chịu trách nhiệm thu mua và bốc xếp từ cảng về đến kho của đơn vị, nguồn thu mua của công ty là tương đối ổn định với nhiều nhà cung cấp đảm bảo cho nguyên vật liệu luôn đáp ứng nhu cầu sản xuất, ít có trường hợp bị ép giá hoặc thiếu nguyên vật liệu cho sản xuất. Trong khâu nhập kho vật liệu, công ty đảm bảo có sự giám sát chặt chẽ giữa phòng kế toán với bộ phận thu mua và thủ kho bằng hoá đơn giá trị gia tăng, biên bản kiểm nghiệm vật tư, phiếu nhập kho để xác định chính xác, đầy đủ về mặt số lượng cũng như giá trị nguyên vật liệu nhập kho.

♦ *Công tác bảo quản :* Công ty hiện có 4 kho để bảo quản và dự trữ, các kho đều được xây dựng nơi thoáng mát, sạch sẽ đảm bảo cho nguyên vật liệu được bảo quản tốt nhất, hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, nhân viên thủ kho và bảo vệ cho tinh thần trách nhiệm cao và trình độ chuyên môn tốt.

♦ *Khâu sử dụng:* Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào.

Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ, mọi nhu cầu sản xuất được lập kế hoạch từ trước và được giám đốc thông qua. Công tác xuất đảm bảo đủ giấy tờ, các phiếu, lệnh xuất. Trong khâu xuất kho, công ty đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng và hợp lý về bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng nguyên vật liệu cũng như mối liên hệ thống nhất giữa bộ phận sử dụng, thủ kho, phòng kế toán thông qua phiếu yêu cầu xuất vật tư, phiếu xuất kho, thẻ kho...

Dưới đây là bảng định mức nguyên vật liệu cho 1000lít bia hơi:

STT	Tên NVL, vật tư	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Malt	Kg	500	
2	Gạo	“	500	
3	Malt màu	“	13	
4	Hoa HPE	“	10	
5	Termamyl	Kg	0.70	
6	Fugamyl	“	0.70	
7	Neutrase	“	0.85	
8	Hoa cao	“	12	
9	Maturex	“	0.085	
10	Muối CaCl <sub>2</sub>	“	0.057	
11	Than đá	“	44	
12	P <sub>3</sub> -Reencol	“	0.025	
13	P <sub>3</sub> -Oxonia	“	0.35	bổ sung thêm máy rửa chai
14	Trimeta	“	1.6	
15	Zaven	“	5	
16	Bột trợ lọc	“	2	
17	Điện	Kw	300	
18	Nước	m <sup>3</sup>	10	
19	Nút chai pet	cái	1020	Mất + xi
20	Chai Pet hỏng	“	16	Hao hụt 1.6%
21	Màng co cổ	“	1010	Hao hụt 1%
22	Vỏ bao	“	2	
23	Mác thân	cái	40	Thay mới mác hỏng, rách, cũ
24	NaOH	kg	0.63	

Chính sự thống nhất, chặt chẽ trong thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đã giúp cho công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu tại công ty được chính xác, đảm bảo vật liệu được sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí trong sản xuất

### **3.2.2. Mặt hạn chế**

☸ *Thứ nhất, về việc luân chuyển chứng từ:* việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

☸ *Thứ hai, khâu thu mua và vận chuyển:* trong quá trình thu mua và vận chuyển của công ty còn để nguyên vật liệu rơi vãi, tuy thủ kho đã có biện pháp quét dọn thu hồi nhưng với đặc điểm dễ rơi vãi thì công việc thu hồi vẫn không thể đảm bảo không có sự thất thoát. Mặt khác, lượng nguyên vật liệu hao hụt này được kế toán hạch toán vào tài khoản 627- chi phí sản xuất chung là sai nguyên tắc. Như vậy sẽ dẫn đến lãng phí một lượng đáng kể và làm cho chi phí nguyên vật liệu tăng lên, giá thành sản phẩm tăng lên, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận công ty.

☸ *Thứ ba, công ty vẫn thực hiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đôi với nguyên vật liệu mua về không qua kho:* Việc hạch toán nguyên vật liệu đôi khi còn mang tính rườm rà như việc mua nguyên vật liệu về dùng ngay cho sản xuất, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu mà tiến hành làm thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

☸ *Thứ tư, chưa lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý vật tư:* do nguyên vật liệu trong công ty rất đa dạng phong phú nên công ty đã tiến hành phân loại nguyên vật liệu thành:

- Nguyên vật liệu chính

- Nhiên liệu
- Phụ tùng thay thế
- Nguyên vật liệu phụ
- Phế liệu thu hồi

Mặc dù có sự phân loại này nhưng phòng kế toán không lập sổ danh điểm vật tư.

☸ *Thứ năm, về việc ứng dụng phần mềm kế toán:* Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo thao tác thủ công nên khối lượng công việc mà kế toán làm là rất vất vả, điều này sẽ ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện công việc.

### 3.3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BIA TÂY ÂU

Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu trước hết phải đáp ứng các yêu cầu sau:

Các biện pháp hoàn thiện phải xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý ở đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng về quản lý tài chính.

Hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hệ thống kế toán ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng chưa được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao

Hoàn thiện nhưng vẫn phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp xét cho đến cùng là lợi nhuận

Như vậy, trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và tình hình quản lý nguyên vật liệu tại công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến góp phần khắc phục những hạn chế trong công tác hạch toán nguyên vật liệu.

*☸ Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ:*

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

**PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO**

Từ ngày..... đến ngày.....

Nhóm vật liệu (dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá)	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4

Ngày... tháng ... năm ....

Người nhận (ký)

Người giao (ký)

*☸ Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư:*

Hiện nay, nguyên vật liệu chính của công ty rất đa dạng và phong phú nên việc kiểm tra, đối chiếu, hạch toán cũng như tính giá vật liệu gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, để thuận tiện hơn cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách có hệ thống và kế hoạch, theo em công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty. Sổ danh điểm vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy

cách vật liệu một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu ở công ty được thống nhất.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu, chính xác, đầy đủ không trùng lặp thuận tiện và hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mật mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu
- Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi loại
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu

VD: Nguyên vật liệu chính: 1521

♦ Malt: 1521.01: - Malt: 1521.0101

- Malt màu: 1521.0102

Công ty có thể lập sổ danh điểm vật tư như sau:

**SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU**

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm vật liệu	Đơn vị tính	Ghi chú
Loại	Nhóm				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521.01		Malt	Kg	
		1521.0101	Malt	Kg	
		1521.0102	Malt màu	Kg	
	....	.....	.....		
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522.01		Phụ gia	Kg	
		1522.0101	Termanyl	Kg	
		1522.0102	Fungannyl	Kg	
	....	.....	.....		
	1522.02		Bao bì		
		1522.0201	Mác thân	Cái	
		1522.0202	Chụp cổ chai	Cái	
	....	.....	.....		
1523			Nhiên liệu		
	1523.01		Than	Kg	
		1523.0101	Than cám	Kg	
		1523.0102	Than đá	Kg	
	....	.....	.....		

☼ *Hoàn thiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu:*

Khi công ty mua vật liệu ngoài thường có 2 trường hợp xảy ra:

- Trường hợp 1: Nguyên vật liệu mua về nếu dự trữ tại kho thì tiến hành thủ tục nhập kho, và sau đó theo yêu cầu xuất của sản xuất sẽ tiến hành xuất vật tư.

- Trường hợp 2: Do nhu cầu cần vật liệu ngay nên nguyên vật liệu mua về được chuyển thẳng tới bộ phận sản xuất. Trong trường hợp này, mặc dù không nhập kho nhưng kế toán vẫn tiến hành làm thủ tục nhập, xuất kho như trường hợp 1. Như vậy, việc thực hiện các thủ tục nhập xuất kho (trong khi không nhập, xuất kho) nhiều khi chỉ mang tính hình thức, làm như vậy sẽ hao phí về lao động kế toán thủ tục rườm rà. Trường hợp này công ty chỉ cần làm thủ tục kiểm nghiệm vật tư và làm biên bản giao nhận vật tư làm căn cứ hạch toán chi phí nguyên vật liệu không qua kho, vừa giảm bớt thủ tục ghi chép cho kế toán và thủ kho, vừa phản ánh kịp thời số liệu hạch toán hàng tồn kho.

**BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ**

Ngày ..... tháng ..... năm.....

Chúng tôi gồm:

- Ông (bà): ..... Người cung ứng

- Ông (bà): ..... Người nhận

Đã tiến hành bàn giao sử dụng vật tư sau đây

STT	Quy cách, chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng

Đại diện bên cung ứng  
(Ký, họ tên)

Đại diện bên nhận  
(Ký, họ tên)



Biên bản trên được lập ngay tại chỗ, sau đó chuyển hoá đơn, biên bản lên phòng kế toán làm căn cứ pháp lý để ghi sổ kế toán.

☉ *Lập báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ:*

Ở công ty số lượng nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất vẫn còn tình trạng lượng tiêu hao thực tế ít hơn kế hoạch dẫn đến cuối kỳ vẫn còn vật tư ở trong kho chưa được sử dụng, vì vậy kế toán nên lập phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ, theo mẫu sau:

Đơn vị: .....

Địa chỉ: .....

Mẫu số 04 – VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**PHIẾU BÁO VẬT TƯ CÒN LẠI CUỐI KỲ**

*Ngày .... tháng ..... năm*

*Số:...*

Bộ phận sử dụng: .....

<b>STT</b>	<b>Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư</b>	<b>Mã số</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Lý do sử dụng</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>

Ý kiến của ban kiểm nghiệm.....

**Phụ trách đơn vị**

Phiếu này dùng để theo dõi số lượng vật tư còn lại cuối kỳ hạch toán của đơn vị, làm căn cứ tính giá thành sản phẩm và kiểm tra tình hình thực hiện định mức vật tư sử dụng. Số lượng vật tư còn lại cuối kỳ ở đơn vị sử dụng được phân thành 2 loại:

- Loại không dùng nữa: Lập phiếu nhập kho, và được nhập lại.
- Loại tiếp tục sử dụng: Lập phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ.

Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ do bộ phận sử dụng lập làm 2 bản, 1 bản giao cho phòng vật tư, bản còn lại giao cho phòng kế toán.

☼ *Áp dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng*

Hoà nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiến bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty cổ phần bia Tây Âu đã ứng dụng tin học vào việc hạch toán kế toán nhưng chỉ là những tính toán đơn thuần, công ty nên áp dụng kế toán máy. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính.
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.
- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.

- Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Chính vì những ưu điểm của việc áp dụng phần mềm kế toán, theo em công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, bên cạnh đó, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo linh hoạt phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

☼ *Lập báo cáo vật tư theo kế hoạch sản xuất:*

Trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh khốc liệt như hiện nay, nhiều biến động xảy ra có thể ảnh hưởng tới kế hoạch sản xuất của công ty và ảnh hưởng

đến giá thành sản phẩm. Do vậy, nếu công ty không xác định định mức dự trữ nguyên vật liệu thì kết quả sản xuất của công ty có thể bị ngưng trệ làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, nếu công ty dự trữ nguyên vật liệu quá lớn sẽ làm ứ đọng vốn, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn của doanh nghiệp và phát sinh các chi phí liên quan. Ngược lại, nếu dự trữ quá ít thì khi nguyên vật liệu trên thị trường khan hiếm hoặc giá cả giảm sẽ làm ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh của công ty.

Vì vậy, công ty nên xác định mức dự trữ hợp lý để giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm và yêu cầu sản xuất khi có yếu tố bất thường xảy ra thông qua báo cáo vật tư theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh và báo cáo nghiên cứu thị trường từ phòng vật tư.

Đơn vị: .....

Bộ phận: .....

**BÁO CÁO DỰ BÁO VẬT TƯ THEO KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH**

Tháng ...Năm...

Danh điểm vật tư	Tên, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Nhu cầu			Số tồn kho thực tế	Số cần nhập bổ sung
			Kế hoạch	Đã sử dụng	Số chưa sử dụng		
A	B	C	1	2	3	4	5

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Phụ trách bộ phận báo cáo  
(Ký, họ tên)

Người lập  
(ký, họ tên)

☉ *Cần thiết phải có sự nghiên cứu, tìm hiểu thị trường:*

Mặc dù nguyên vật liệu hiện nay không thiếu, thậm chí một số nguyên vật liệu rất dồi dào nhưng các nguyên vật liệu này xuất phát từ nhiều nguồn gốc khác nhau, chất lượng khác nhau. Vì vậy, việc thiết lập những nguồn cung ứng nguyên vật liệu lâu dài là rất quan trọng, điều này công ty bia Tây Âu đã và đang làm được. Tuy nhiên, bên cạnh những nhà cung cấp quen thuộc, công ty cần có kế hoạch thăm dò, tìm hiểu thị trường để tìm ra nguồn cung ứng tốt hơn, đem tới cơ hội tăng chiết khấu, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng có lợi cho doanh nghiệp.

Không những thế, tìm hiểu tốt thị trường còn giúp doanh nghiệp có những bước đi đúng đắn trong thu mua, dự trữ ở những thời điểm khác nhau, tránh tình trạng mua phải nguyên vật liệu với giá cao khi có sự khan hiếm hoặc thiếu nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất.